

**UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

**NGÀNH: DƯỢC
MÃ NGÀNH: 5720201**

Đồng Tháp, 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

(Ban hành Quyết định số /QĐ-CDYT ngày tháng năm 2019
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp)

Tên ngành, nghề: DƯỢC

Mã ngành, nghề: 5720201

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT và tương đương

Thời gian đào tạo: 2 năm (tích lũy tín chỉ)

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình khung Trung cấp chuyên nghiệp ngành Dược sĩ trung học được sử dụng trong các trường và các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp. Sau khi học xong người học được cấp bằng trung cấp chuyên nghiệp với chức danh Dược sĩ.

Nội dung chương trình gồm các học phần: Học phần chung, học phần cơ sở, học phần chuyên môn và phần thực hành nghề nghiệp. Nội dung các học phần chung thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nội dung các học phần cơ sở, các học phần chuyên môn là những vấn đề cơ bản cốt lõi, có tính logic và hệ thống, các kiến thức ở học phần trước được trang bị để tiếp thu kiến thức những học phần sau. Nội dung phần thực hành môn học của các học phần cơ sở, thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp là rất quan trọng, được bố trí thành những học phần riêng để tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho hiệu quả.

Nội dung chương trình đào tạo Dược sĩ trung học tập trung vào đào tạo năng lực nghề nghiệp, coi trọng giáo dục đạo đức, rèn luyện sức khỏe, nâng cao trình độ học vấn, bảo đảm để sau khi tốt nghiệp người học có khả năng hành nghề.

Sau khi học xong, người học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; Có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Sau khi tốt nghiệp người Dược sĩ trung học có thể liên thông lên bậc Cao đẳng hoặc Đại học.

1.1 Mục tiêu chung: Đào tạo người Dược sĩ trung học có kiến thức, kỹ năng thực hành, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trước sức khỏe và tính mạng người bệnh, có đủ sức khỏe, không ngừng học tập bồi dưỡng kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn.

1.2 Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức:

- + Có kiến thức khoa học cơ bản và dược học cơ sở;
- + Có kiến thức chuyên môn cơ bản về dược và kiến thức vững về chuyên ngành quản lý, cung ứng thuốc;
- + Nắm vững chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong điều kiện chuyên môn cụ thể.

- Về kỹ năng:

- + Quản lý, cung ứng thuốc, đảm bảo chất lượng thuốc;
- + Hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả;
- + Thực hiện các nghiệp vụ về dược trong phạm vi nhiệm vụ được giao;
- + Hướng dẫn về chuyên môn cho các cán bộ dược có trình độ thấp hơn.

- Về thái độ:

- + Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- + Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;
- + Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên;
- + Coi trọng kết hợp y-dược học hiện đại.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên trở thành Dược sĩ trung cấp sẽ:

- Đảm nhiệm các vị trí công tác có yêu cầu sử dụng dược sĩ trình độ trung cấp trong các cơ quan y tế, cơ sở điều trị, sản xuất, kinh doanh, kiểm tra giám sát chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.
- Có khả năng tham gia trợ giảng, nghiên cứu khoa học trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn Y dược trình độ trung cấp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun, học phần: 26
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1890 giờ (74 giờ kiểm tra)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun, học phần chuyên môn: 1635 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 804 giờ (42,5%). Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 1086 giờ (57,5%)
- Thời gian khóa học: 2 năm (4 học kỳ)

3. Nội dung chương trình

TT	Tên môn học/mô đun/học phần	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương					
1	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
2	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
3	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
4	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
5	Tin học	2	45	15	29	1
6	Pháp luật	1	15	9	5	1
	Tổng	12	255	94	148	13
II	Các môn học chuyên môn					
II.1	Môn học/mô đun/học phần cơ sở					
7	Viết và đọc tên thuốc	2	30	21	7	2
8	Thực vật dược	3	60	28	29	3
9	Hóa phân tích I	3	60	30	27	3
10	Hóa phân tích II	3	60	28	29	3
11	Y học cơ sở I	3	60	29	28	3
12	Y học cơ sở II	3	60	29	28	3
13	Truyền thông – GDSK	2	30	28	0	2
14	Tổ chức và quản lý y tế	2	30	28	0	2
	Tổng	21	390	221	148	21
II.2	Môn học/mô đun/học phần chuyên môn ngành, nghề					
15	Dược liệu	6	120	58	58	4

16	Bào chế 1	4	90	28	58	4
17	Bào chế 2	4	75	44	28	3
18	Quản lý dược	5	75	71	0	4
19	Hóa dược – Dược lý 1	8	105	73	28	4
20	Hóa dược – Dược lý 2	5	90	57	29	4
21	Hóa dược – Dược lý 3	6	150	58	88	4
22	Kiểm nghiệm thuốc	4	75	44	28	3
23	Bảo quản thuốc	2	30	28	0	2
24	Thực tập nghề nghiệp	6	270	0	264	6
	Tổng	50	1080	461	581	38
II.3	Môn học/mô đun/học phần tự chọn					
25	Kỹ năng bán hàng, Marketing Dược	2	30	28	0	2
26	Ôn và thi tốt nghiệp	3	135	0	135	0
	Tổng	5	165	28	135	2
	Tổng cộng	88	1890	804	1012	74

Kế hoạch dạy trong 2 năm học

HỌC KỲ 1

STT	Mã học phần	MÔN HỌC	TỔNG SỐ TIẾT			Kiểm tra
			TỔNG SỐ	Lý thuyết	Thực hành/thảo luận	
1		Chính trị	30	15	13	2
2		Giáo dục quốc phòng và an ninh	45	21	21	3
3		Giáo dục thể chất	30	4	24	2
4		Tiếng Anh	90	30	56	4
5		Viết và đọc tên thuốc	30	21	7	2
6		Thực vật dược	60	28	29	3
7		Hóa phân tích 1	60	30	27	3
8		Y học cơ sở 1	60	29	28	3

9		Truyền thông - GDSK	30	28	0	2
Tổng cộng			435	206	205	24

HỌC KỲ 2

STT	Mã học phần	MÔN HỌC	TỔNG SỐ TIẾT			
			TỔNG SỐ	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1		Hóa phân tích 2	60	28	29	3
2		Y học cơ sở 2	60	29	28	3
3		Dược liệu	120	58	58	4
4		Hóa dược – Dược lý 1	105	73	28	4
5		Bào chế 1	90	28	58	4
6		Bảo quản thuốc	30	28	0	2
Tổng cộng			465	244	201	20

HỌC KỲ 3

STT	Mã học phần	MÔN HỌC	TỔNG SỐ TIẾT			
			TỔNG SỐ	Lý thuyết	Thực hành/thảo luận	Kiểm tra
1		Bào chế 2	75	44	28	3
2		Quản lý dược	75	71	0	4
3		Hóa dược – Dược lý 2	90	57	29	4
4		Hóa dược – Dược lý 3	150	58	88	4
5		Kỹ năng bán hàng, Marketing dược	30	28	0	2
Tổng cộng			420	258	145	17

HỌC KỲ 4

STT	Mã học phần	MÔN HỌC	TỔNG SỐ TIẾT			
			TỔNG SỐ	Lý thuyết	Thực hành/thảo luận	Kiểm tra
1		Tin học	45	15	29	1
2		Tổ chức và Quản lý y tế	30	28	0	2

3		Pháp luật	15	9	5	1
4		Kiểm nghiệm thuốc	75	44	28	3
5		Thực tập nghề nghiệp	270	0	264	6
6		Ôn và thi tốt nghiệp	135	0	135	0
Tổng cộng			570	96	461	13

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Nội dung các hoạt động trong khoá đào tạo chuyên ngành Dược sĩ trung học bao gồm: học lý thuyết và thực hành tại trường; thi kết thúc các học phần; thực tập lâm sàng, thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp khoá học.

Thời gian của các hoạt động trong khoá học được tính theo học kỳ, thời gian giảng dạy lý thuyết và thực hành các học phần được tính theo tiết, mỗi tiết giảng là 45 phút. Mỗi ngày có thể bố trí học từ 1 đến 2 buổi. Thời gian thực tập, thực tế tốt nghiệp được tính theo giờ, mỗi ngày không bố trí quá 8 giờ.

Chương trình gồm 26 học phần (bao gồm học phần lý thuyết, thực hành, thực tập thực tế cơ sở và học phần thực tập tốt nghiệp), mỗi học phần đã được xác định số đơn vị học trình. Chương trình mỗi học phần bao gồm: Mục tiêu, nội dung, hướng dẫn thực hiện học phần và tài liệu tham khảo để dạy và học. Nội dung học phần đề cập đến tên các bài, số tiết học từng bài, đủ 100% tổng số tiết của học phần. Phần thực tập tốt nghiệp, bố trí thành một học phần, thực hiện tại các Khoa của các bệnh viện, tại Sở Y tế, tại các Công ty Dược nhằm nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

4.1 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số công ty dược, trung tâm kiểm nghiệm và trạm Y tế các xã, thị trấn trên địa bàn;

Thời gian hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng	Ngoài giờ học hàng ngày, 19 giờ đến 21 giờ

	Sinh hoạt tập thể Tham gia các hội thi văn nghệ trường tổ chức	
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt ngoại khóa vào các thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.2 Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun, học phần

Việc đánh giá kết quả học tập của học viên trong quá trình đào tạo và thi tốt nghiệp khoá học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

4.3 Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp: Chương trình đào tạo theo niên chế. Tổ chức đào tạo và thi tốt nghiệp Dược sĩ trung học được tổ chức thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp; Thực hành nghề nghiệp

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu theo quy định của trường. Người học đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ được Hiệu trưởng nhà trường cấp bằng tốt nghiệp Dược sĩ trung học.

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Thi viết	90-120 phút

2	Lý thuyết tổng hợp môn cơ sở và môn chuyên môn trong chương trình đào tạo Dược sĩ trung học	Sử dụng câu hỏi truyền thống cải tiến, bộ câu hỏi trắc nghiệm.	120-150 phút
3	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	

4.4 Các chú ý khác

4.4.1 Đội ngũ giáo viên thực hiện chương trình:

Để triển khai thực hiện chương trình đào tạo có chất lượng và hiệu quả, cơ sở đào tạo cần có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và chất lượng.

- Đội ngũ giáo viên phải đảm bảo theo tiêu chuẩn của Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014 tại khoản 10 điều 4 và Điều lệ trường Cao đẳng y tế hiện hành.

- Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy cần có trình độ tin học, ngoại ngữ và kinh nghiệm để hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

4.4.2 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập:

a/ Phòng thực hành chuyên ngành Dược sĩ.

- Phòng thực tập hóa, hóa sinh;
- Phòng thực hành Hóa dược, Dược lý;
- Phòng thực hành Dược liệu.
- Phòng thực hành Bào chế;
- Phòng thực hành Dược lý, YHCT;

- Các phòng thực hành đảm bảo có đủ các trang thiết bị, dụng cụ thực hành để đảm bảo chất lượng cho các phân thực hành theo quy định của Bộ Y tế.

b/ Thư viện và sách giáo khoa, tài liệu để dạy học

- Có bộ giáo trình về các học phần chuyên ngành cho Dược sĩ trung học do bộ môn biên soạn và giáo trình của Bộ Y tế ban hành.

- Đảm bảo đủ sách, tài liệu để dạy/học và tham khảo;

4.4.3 Cơ sở thực hành ngoài trường

Các Khoa lâm sàng tại các bệnh viện, các Công ty Dược, trung tâm kiểm nghiệm và trạm Y tế các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm Phòng ĐT-QLKH và các khoa thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, làm văn bản trình lên Hội đồng khoa học Trường xem xét. Nếu thấy hợp lý Hội đồng khoa học trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có quyết định của Hiệu trưởng.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 1

Tên môn học: Giáo dục chính trị

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thảo luận: 13 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		

2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	4	2	2	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	5	3	2	
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
7	Kiểm tra	2			2
	Tổng cộng	30	15	13	02

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội;

- Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

- Có nhận thức đúng đắn và bước đầu vận dụng tốt kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: NHỮNG THÀNH LỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 5: TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày sơ lược được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;

- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

- Khi có đủ điều kiện về phòng học và các điều kiện khác, Trường có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra

Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra

Thi kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết. Sử dụng câu hỏi truyền thống có cải tiến, kết hợp với bộ câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Phòng Đào tạo – QLKH phối hợp Khoa Cơ bản – Cơ sở tham mưu Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trình phổ thông.

VII. Một số hướng dẫn khác

Trường sẽ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành

chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

Các tài liệu liên quan khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 2

Tên môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 21 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 21 giờ; kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
9	Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	2	8	
10	Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	

11	Kiểm tra	2			2
	CỘNG	45	21	21	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

- 2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học
- 2.2. Các nội dung chính
- 2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học
- 2.4. Điều kiện thực hiện môn học
- 2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;
- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội
 - 2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hoà bình"
 - 2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ
- 2.2. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam
 - 2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

- 2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo
 - 2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo
 - 2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam
- 2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam
 - 2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước
 - 2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước
 - 2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- 2.4. Thảo luận

Bài 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm
 - 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm
 - 2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm
 - 2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm
 - 2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường
- 2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội
 - 2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội
 - 2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội
 - 2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội
- 2.3. Thảo luận

Bài 7: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

Bài 8: GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;

- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;

- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.3. Thực hành

Bài 9: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Chăm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc chăm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp chăm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Phòng Đào tạo – QLKH phối hợp với Khoa Cơ bản – Cơ sở tham mưu Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;

- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thất lưng;
- + Giày da;
- + Tát sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tát sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khi có đủ điều kiện, Trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra

Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra

Thi kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết. Sử dụng câu hỏi truyền thống có cải tiến, kết hợp với bộ câu hỏi trắc nghiệm, thi thực hành.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

23. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
24. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
25. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
26. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
27. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
28. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 3

Tên môn học: Giáo dục thể chất

Thời gian thực hiện: 30 giờ (lý thuyết: 04 giờ; thực hành: 24 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1		
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	6	1	5	
2	Bài 2: Điền kinh	8	1	7	

3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	1			1
III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	14	1	12	1
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	14	1	12	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	14	1	12	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	14	1	12	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	14	1	12	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	14	1	12	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	14	1	12	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	14	1	12	1
	Cộng	30	4	24	2

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản đối với bài thể dục tay không liên hoàn;

- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của bài thể dục tay không liên hoàn.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;

- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng rổ.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.5. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng đá.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ khống chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên

2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khi có đủ điều kiện, Trường sẽ đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra

Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra

Thi kết thúc học phần: Bài kiểm tra thực hành.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Phòng Đào tạo – QLKH phối hợp Khoa Cơ bản – Cơ sở tham mưu Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.
2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;
3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.
4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyên, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 4

Tên môn học: Tiếng Anh

Thời gian thực hiện: 90 giờ, (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh này bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ trung cấp, người học đạt được trình độ năng lực Tiếng Anh Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

b) Kỹ năng nói: Đưa ra và hỏi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

c) Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

d) Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
	Tổng cộng	90	30	56	4

2. Nội dung chi tiết như sau:

BÀI 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Gia đình;
- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;
- 2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;
- 2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. THỜI GIAN RẪNH RỖI (LEISURE TIME)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;

- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các môn thể thao;
- 2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;
- 2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;
- 2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- 2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;
- 2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;

- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bằng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;

- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

- Hỏi về số lượng;

- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;

- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với *much* hoặc *many*;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. KỠ NGHỈ (VACATION)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;

2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;

2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: *play, go* và *do*;

- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;

- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Nhà giáo sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khi có đủ điều kiện, Trường sẽ trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra

Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra

Thi kết thúc học phần: Bài kiểm tra câu hỏi trắc nghiệm.

Nhà giáo có thể vận dụng kết hợp kiểm tra nghe, nói, tự luận, trắc nghiệm để đánh giá các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc đã thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, Phòng Đào tạo – QLKH phối hợp với Khoa Cơ bản – Cơ sở căn cứ vào chương trình này và chương trình học trung học phổ thông mà người học đã hoàn thành để tham mưu Hiệu trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình môn học cho phù hợp, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 1 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với nhà giáo: Nhà giáo vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 90 giờ trên lớp, nhà giáo nên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 110 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt năng lực A1 theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 5

Tên môn học: Tin học

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	4	3	1	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	4	2	2	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	15	3	12	
4	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	9	3	6	
5	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	8	2	6	
6	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	4	2	2	
7	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	45	15	29	1

2. Nội dung chi tiết

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính;
- Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

- 2.1.1.2. Dữ liệu
- 2.1.1.3. Xử lý thông tin
- 2.1.2. Phần cứng
 - 2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm
 - 2.1.2.2. Thiết bị nhập
 - 2.1.2.3. Thiết bị xuất
 - 2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

- 2.2.1. Phần mềm hệ thống
- 2.2.2. Phần mềm ứng dụng
- 2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng
- 2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

- 2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính
- 2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục, tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

- 2.1.1. Windows là gì?
- 2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows
- 2.1.3. Desktop
- 2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)
- 2.1.5. Menu Start
- 2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng
- 2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
- 2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
- 2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Một số phần mềm tiện ích

2.3.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.3.2. Phần mềm diệt virus

2.4. Sử dụng tiếng Việt

2.4.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.4.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.4.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.5. Sử dụng máy in

2.5.1. Lựa chọn máy in

2.5.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về văn bản và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản;

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu, in được văn bản.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

- 2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word
 - 2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn
 - 2.2.2.2. Tạo một tập tin mới
 - 2.2.2.3. Lưu tập tin
 - 2.2.2.4. Đóng tập tin
- 2.2.3. Định dạng văn bản
 - 2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)
 - 2.2.3.2. Định dạng đoạn văn
 - 2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)
 - 2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering
 - 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
 - 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
 - 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
 - 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
 - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
 - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
 - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
 - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
 - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
 - 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
 - 2.2.3.6. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

- 2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xoá dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Biểu thức và hàm

2.5.1. Biểu thức số học

2.5.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.5.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.5.1.3. Các lỗi thường gặp

2.5.2. Hàm

2.5.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.5.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.5.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND)

2.5.2.4. Hàm điều kiện IF

2.5.2.5. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR)

2.5.2.6. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6. Định dạng ô, dãy ô

2.6.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.6.2. Định dạng văn bản

2.6.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.7. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.7.1. Trình bày trang tính để in

2.7.2. Kiểm tra và in

2.7.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu một số nội dung đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

- 2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng
- 2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide
- 2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn
- 2.2.2.4. Lặp lại trình diễn
- 2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử; tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

- 2.1.1. Tổng quan về Internet
- 2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

- 2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web
- 2.2.3. Thư điện tử (Email)
- 2.2.3. Tìm kiếm thông tin (Search)
- 2.2.4. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.3. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

- 2.3.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
- 2.3.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
- 2.3.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
- 2.3.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giáo viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khi có đủ điều kiện, Trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội :

Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra.

Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra.

Thi kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết. Sử dụng câu hỏi truyền thống có cải tiến, kết hợp với bộ câu hỏi trắc nghiệm, thi thực hành trên máy vi tính.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:

+ Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Phòng Đào tạo – QLKH phối hợp với Khoa Cơ bản – Cơ sở tham mưu Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 6

Tên môn học: Pháp luật

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (lý thuyết: 9 giờ; thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;
- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật lao động	7	5	2	
4	Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
5	Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
6	Kiểm tra	1			1
	Cộng	15	9	5	1

2. Nội dung chi tiết:

BÀI 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: HIẾN PHÁP

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.

- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỳ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 4: PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;

- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tham nhũng

2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng

2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng

2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng

2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 5: PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;

- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

Khi có đủ điều kiện, Trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra.

Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra.

Thi kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết. Sử dụng câu hỏi truyền thống có cải tiến, kết hợp với bộ câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
4. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
4. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
6. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
7. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
8. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
11. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
12. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

13. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
14. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
16. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 7

Tên môn học: VIẾT VÀ ĐỌC TÊN THUỐC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 21 giờ, Thảo luận: 7; Kiểm tra 2)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 1

- **Tính chất:** Chương trình môn học viết và đọc tên thuốc dùng cho đào tạo trình độ TCCN bao gồm những kiến thức cơ bản về các vấn đề: cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm trong tiếng Latin, ngữ pháp tiếng Latin.

II. Mục tiêu của môn học:

- Viết và đọc đúng tên các nguyên tố, hóa chất, thuốc, cây thuốc thông dụng bằng tiếng Latin.

- Viết và đọc đúng tên các nguyên tố, hóa chất, thuốc, cây thuốc thông dụng bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ Quốc tế tiếng Latin.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Chương 1. Cách viết và đọc các âm trong tiếng Latin	14			
	1. Cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm trong tiếng Latin	2	1,5	0,5	
	2. Cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm đặc biệt trong tiếng Latin	2	1,5	0,5	
	3. Sơ lược về ngữ pháp tiếng Latin	2	2		
	4. Luyện tập cách đọc, viết nguyên âm, phụ âm, nguyên âm, phụ âm đặc biệt trong tiếng Latin	2	1,5	0,5	
	5. Luyện tập viết và đọc tên cây thuốc, hóa chất dùng làm thuốc bằng tiếng Latin	2	1,5	0,5	
	6. Tập viết và đọc 1 số từ viết tắt trên nhãn	3	2	1	

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
	thuốc dùng tiếng Latin, trên đơn thuốc có dùng tiếng Latin				
	Kiểm tra				1
2	Chương 2. Cách viết và đọc tên thuốc theo tiếng Latin	16			
	1. Cách viết tên thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ Quốc tế tiếng Latin (DCI)	3	2	1	
	2. Cách đọc tên thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ quốc tế tiếng Latin (DCI)	4	3	1	
	3. Luyện tập viết tên thuốc, tên hóa chất dùng làm thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ tiếng Latin	4	3	1	
	4. Luyện tập cách đọc tên thuốc, hóa chất dùng làm thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ tiếng Latin	4	3	1	
	Kiểm tra				1
Tổng cộng		30	21	7	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Cách viết và đọc các âm trong tiếng Latin

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu: Viết và đọc đúng tên các nguyên âm, phụ âm thông dụng bằng tiếng Latin.

2. Nội dung chương:

2.1. Cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm trong tiếng Latin

2.1.1 Cách viết các nguyên âm, phụ âm trong tiếng Latin

2.1.2 Cách đọc các nguyên âm, phụ âm trong tiếng Latin

2.2. Cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm đặc biệt trong tiếng Latin

2.2.1. Cách viết các nguyên âm, phụ âm đặc biệt trong tiếng Latin

2.2.2. Cách đọc các nguyên âm, phụ âm đặc biệt trong tiếng Latin

2.3. Sơ lược về ngữ pháp tiếng Latin

1.3.1 Khái niệm

1.3.2 Một số cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Latin

2.4. Luyện tập cách đọc, viết nguyên âm, phụ âm, nguyên âm, phụ âm đặc biệt trong tiếng Latin

2.4.1. Luyện tập cách viết các nguyên âm, phụ âm trong tiếng Latin

2.4.2. Luyện tập cách đọc các nguyên âm, phụ âm trong tiếng Latin

2.4.3. Luyện tập cách viết các nguyên âm, phụ âm đặc biệt trong tiếng Latin

2.4.4. Luyện tập cách đọc các nguyên âm, phụ âm đặc biệt trong tiếng Latin

2.5. Luyện tập viết và đọc tên cây thuốc, hóa chất dùng làm thuốc bằng tiếng Latin

1.5.1 Luyện tập cách viết tên cây thuốc, hóa chất dùng làm thuốc bằng tiếng Latin

1.5.2 Luyện tập cách đọc tên cây thuốc, hóa chất dùng làm thuốc bằng tiếng Latin

2.6. Tập viết và đọc 1 số từ viết tắt trên nhãn thuốc dùng tiếng Latin, trên đơn thuốc có dùng tiếng Latin

1.6.1 Tập viết 1 số từ viết tắt trên nhãn thuốc dùng tiếng Latin, trên đơn thuốc có dùng tiếng Latin

1.6.2 Tập đọc 1 số từ viết tắt trên nhãn thuốc dùng tiếng Latin, trên đơn thuốc có dùng tiếng Latin

Chương 2: Cách viết và đọc tên thuốc theo tiếng Latin Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu: Viết và đọc đúng tên các hóa chất, thuốc, cây thuốc thông dụng bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ Quốc tế tiếng Latin.

2. Nội dung chương:

2.1. Cách viết tên thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ Quốc tế tiếng Latin

1.1.1 Cách viết tên thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ Quốc tế tiếng Latin

1.1.2 Luyện tập cách viết tên thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ Quốc tế tiếng Latin

2.2. Cách đọc tên thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ quốc tế tiếng Latin

2.2.1. Cách đọc tên thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ Quốc tế tiếng Latin

2.2.2. Luyện tập cách đọc tên thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ Quốc tế tiếng Latin

2.3. Luyện tập viết tên thuốc, tên hóa chất dùng làm thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ tiếng Latin

1.3.1 Luyện tập viết tên thuốc dùng làm thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ tiếng Latin

1.3.2 Luyện tập viết tên hóa chất dùng làm thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ tiếng Latin

2.4. Luyện tập cách đọc tên thuốc, hóa chất dùng làm thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ tiếng Latin

2.4.1. Luyện tập đọc tên thuốc dùng làm thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ tiếng Latin

2.4.2. Luyện tập đọc tên hóa chất dùng làm thuốc bằng tiếng Việt theo phiên âm thuật ngữ tiếng Latin

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính) có liên quan đến nội dung chương trình môn học.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, các tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, các bài tập, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung về cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm, tên một số thuốc, tên hóa chất trong tiếng Latin và sơ lược về ngữ pháp tiếng Latin.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc kiểm tra, bài tập.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra
- Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra
- Thi kết thúc học phần: Sử dụng câu hỏi truyền thống cải tiến, bộ câu hỏi trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp Dược trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Đối với giảng viên: kết hợp sử dụng các phương pháp thuyết trình, diễn giảng có minh họa.
 - Đối với người học: luyện tập các cách đọc viết tiếng Latin thông qua các bài tập và câu hỏi lượng giá.
3. Những trọng tâm cần chú ý: không
4. Tài liệu tham khảo:
 - Giáo trình môn học Viết và đọc tên thuốc của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
 - Bài giảng Latin, Vũ Văn Chuyên, NXB Y học, 1981
 - Dược điển Việt Nam, lần IV, Bộ y tế, NXB Y học, 2010
 - Danh mục thuốc thiết yếu Việt nam, lần thứ 6, Bộ y tế, 2013
 - Giáo trình môn học Viết và đọc tên thuốc, Bộ Y tế.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 8

Tên môn học: THỰC VẬT DƯỢC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 29 giờ, kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 1

- **Tính chất:** Môn Thực vật dược giúp sinh viên có kỹ năng cơ bản về hình thái, giải phẫu và phân loại thực vật làm cơ sở cho việc nhận biết, mô tả và kiểm nghiệm dược liệu.

II. Mục tiêu của môn học:

- Trình bày được đặc điểm hình thái, cấu tạo giải phẫu của một số cơ quan thực vật.

- Trình bày được nguyên tắc chung để phân loại thực vật.

- Chỉ ra được những đặc điểm nổi bật của một số họ cây thường được dùng làm thuốc.

- Làm được các thao tác kỹ thuật trong việc nghiên cứu thực vật (Làm tiêu bản soi kính hiển vi, ép mẫu cây...)

- Biết tên Latin một số cây thuốc theo quy định.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: Đại cương về thực vật dược	1	1		
2	Hướng dẫn sử dụng kính hiển vi. Soi tế bào, tinh bột	3	1	2	
3	Chương 1. Cơ quan sinh dưỡng				
	3.1. Tế bào và mô thực vật	4	4		
	3.2. Rễ cây	7	3	4	
	3.3. Thân cây	7	3	4	
	3.4. Lá cây	7	3	4	

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Kiểm tra				1
4	Chương 2. Cơ quan sinh sản				
	4.1.Hoa	7	3	4	
	4.2.Quả và hạt	7	3	4	
	4.3.Vẽ hình vi phẫu các cơ quan sinh dưỡng	3		3	
	Kiểm tra				1
4	Chương 3. Phân loại thực vật				
	4.1.Phân loại thực vật	9	7	2	
	4.2.Thực địa vườn cây thuốc, ép mẫu khô	2		2	
	Kiểm tra				1
	Tổng cộng	60	28	29	3

2.Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: Đại cương về thực vật dược

Thời gian: 1 giờ

Hướng dẫn sử dụng kính hiển vi. Soi tế bào, tinh bột.

Thời gian: 3 giờ

Chương 1: Cơ quan sinh dưỡng

Thời gian: 26 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm hình thái, cấu tạo giải phẫu của cơ quan sinh dưỡng thực vật
- Thực hiện được các thao tác kỹ thuật trong việc nghiên cứu vi phẫu các cơ quan sinh dưỡng của thực vật.

2. Nội dung chương:

2.1. Tế bào và mô thực vật

2.1.1 Tế bào thực vật và các bào quan trong tế bào thực vật

2.1.2 Các loại mô thực vật

2.2. Rễ cây

1.2.1 Các phần của rễ cây

1.2.2 Cấu tạo vi phẫu của rễ cây

2.2.3 Quy trình làm tiêu bản vi phẫu

- 2.2.4 Vẽ hình cấu tạo vi phẫu rễ cây
- 2.3. Thân cây
 - 2.3.1. Các phần của thân cây
 - 2.3.2. Cấu tạo vi phẫu của thân cây
 - 2.3.3. Quy trình làm tiêu bản vi phẫu
 - 2.3.4. Vẽ hình cấu tạo vi phẫu thân cây
- 2.4. Lá cây
 - 2.4.1. Các phần của lá cây
 - 2.4.2. Cấu tạo vi phẫu của lá cây
 - 2.4.3. Quy trình làm tiêu bản vi phẫu
 - 2.4.4. Vẽ hình cấu tạo vi phẫu lá cây

Chương 2: Cơ quan sinh sản

Thời gian: 18 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - Trình bày được đặc điểm hình thái, cấu tạo giải phẫu của cơ quan sinh sản thực vật
 - Thực hiện được các thao tác kỹ thuật trong việc nghiên cứu vi phẫu các cơ quan sinh dưỡng của thực vật.
- 2. Nội dung chương:
 - 1.1 .Hoa - Thực hành về hoa
 - 1.1.1 Cấu trúc của hoa
 - 1.1.2 Hoa thược và hoa đồ
 - 1.1.3 Cách sắp xếp của hoa trên cành
 - 1.1.4 Phân tích cấu tạo của hoa
 - 1.1.5 Vẽ hoa đồ, viết hoa thược
 - 2.2. Quả và hạt -Thực hành về quả và hạt
 - 2.2.1. Quả
 - 2.2.2. Hạt
 - 2.2.3. Phân tích cấu tạo của quả
 - 2.2.4. Phân tích cấu tạo của hạt

Chương 3: Phân loại thực vật

Thời gian: 12 giờ

- 1. Mục tiêu:

- Nêu được những đặc điểm nổi bật của một số họ cây thường được dùng làm thuốc. Biết tên Latin một số cây thuốc theo quy định.

- Thực hiện được thao tác ép mẫu cây thuốc và nêu được các đặc điểm của một số họ cây được dùng làm thuốc.

2. Nội dung chương:

2.1..Thực hành về phân loại thực vật

2.1.1 Đặc điểm một số họ thực vật lớp Hành

2.1.2 Đặc điểm một số họ thực vật lớp Ngọc lan

2.2.Thực địa vườn cây thuốc, ép mẫu khô

2.2.1 Nhận biết cây thuốc

2.2.2 Thực hiện tiêu bản khô của một số cây thuốc

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường, phòng TH Dược liệu-Thực vật dược

2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, thiết bị phòng thực hành thực vật có liên quan đến nội dung chương trình môn học, phục vụ cho việc nghiên cứu thực vật và dược liệu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, bảng kiểm, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung về cấu tạo của cơ quan sinh sản, sinh dưỡng ở thực vật, các đặc điểm phân loại thực vật và nhận biết một số cây được dùng làm thuốc.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc kiểm tra, báo cáo nhóm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

3. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm kiểm tra
- Thi kết thúc học phần: Sử dụng câu hỏi truyền thống cải tiến, bộ câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Là môn học bổ trợ cho học phần Dược liệu.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Giáo viên kết hợp sử dụng các phương pháp: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm.

- Thực hành: Thực hiện các bài thực hành tại phòng thực tập và vườn thực vật.

Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 20 – 25 học sinh.

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Thực vật dược của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Bài giảng Thực vật học, Vũ Văn Chuyên, NXB Y học, 1991

- Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Đỗ Tất Lợi, NXB Y học, 2000

- Giáo trình Thực Vật Dược, Trường Trung học Y tế, Bộ Y tế.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 9

Tên môn học: HÓA PHÂN TÍCH 1

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 1

- **Tính chất:** Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc chung của hóa học phân tích định tính, cách phân nhóm và phương pháp xác định các nhóm cation, anion.

II. Mục tiêu của môn học:

- Trình bày được các nguyên tắc, hiện tượng xảy ra và viết được các phương trình phản ứng của các Cation và Anion tác dụng với thuốc thử.

- Tiến hành xác định được các Cation, Anion trong dung dịch muối vô cơ đúng qui định.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đại cương về hóa học phân tích định tính	3	3		
2	Thực hành sử dụng các dụng cụ dùng trong PTĐT	2		2	
3	Chương 1. Xác định Cation	31	17	13	1
	1. Xác định Cation nhóm I	5	3	2	
	2. Xác định Cation nhóm II	5	3	2	
	3. Xác định Cation nhóm III	5	3	2	
	4. Xác định Cation nhóm IV	5	3	2	
	5. Xác định Cation nhóm V	5	3	2	
	6. Xác định Cation nhóm VI, ôn tập	5	2	3	

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Kiểm tra	1			1
4	Chương 2. Xác định Anion	17	8	8	1
	1. Xác định Anion nhóm I	7	3	4	
	2. Xác định Anion nhóm II	5	3	2	
	3. Xác định Anion nhóm III	4	2	2	
	Kiểm tra	1			1
5	Chương 3. Xác định Cation và Anion trong dung dịch muối	7	2	4	
	Kiểm tra	1			1
Tổng cộng		60	30	27	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: Đại cương về hóa học phân tích định tính

Thời gian: 3 giờ

Thực hành sử dụng các dụng cụ dùng trong PTĐT

Thời gian: 2 giờ

Chương 1: Xác định Cation

Thời gian: 31 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các nguyên tắc, hiện tượng xảy ra và viết được các phương trình phản ứng của các Cation tác dụng với thuốc thử

2. Nội dung chương:

2.1. Xác định Cation nhóm I

2.1.1 Đặc điểm chung của các cation nhóm I

2.1.2 Các phản ứng xác định cation nhóm I

2.2. Xác định Cation nhóm II

2.2.1 Đặc điểm chung của các cation nhóm II

2.2.2 Các phản ứng xác định cation nhóm II

2.3. Xác định Cation nhóm III

2.3.1 Đặc điểm chung của các cation nhóm III

2.3.2 Các phản ứng xác định cation nhóm III

2.4. Xác định Cation nhóm IV

2.4.1 Đặc điểm chung của các cation nhóm IV

2.4.2 Các phản ứng xác định cation nhóm IV

2.5. Xác định Cation nhóm V

1.5.1 Đặc điểm chung của các cation nhóm V

1.5.2 Các phản ứng xác định cation nhóm V

2.6. Xác định Cation nhóm VI

2.6.1 Đặc điểm chung của các cation nhóm VI

2.6.2 Các phản ứng xác định cation nhóm VI

Chương 2: Xác định Anion

Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các nguyên tắc, hiện tượng xảy ra và viết được các phương trình phản ứng của các Anion tác dụng với thuốc thử

2. Nội dung chương:

2.1. Xác định Anion nhóm I

2.1.1 Đặc điểm chung của các anion nhóm I

2.1.2 Các phản ứng xác định anion nhóm I

2.2. Xác định Anion nhóm II

2.2.1 Đặc điểm chung của các anion nhóm II

2.2.2 Các phản ứng xác định anion nhóm II

2.3. Xác định Anion nhóm III

2.3.1 Đặc điểm chung của các anion nhóm III

2.3.2 Các phản ứng xác định anion nhóm III

Chương 3: Xác định Cation và Anion trong dung dịch muối

Thời gian: 7 giờ

Mục tiêu: Tiến hành xác định được các Cation, Anion trong dung dịch muối vô cơ đúng qui định.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường, phòng TH Hóa phân tích

2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, thiết bị phòng thực hành hóa phân tích có liên quan đến nội dung chương trình môn học

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, bảng kiểm, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung các nguyên tắc, hiện tượng xảy ra và viết được các phương trình phản ứng của các Cation và Anion tác dụng với thuốc thử.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc kiểm tra, báo cáo nhóm, thực hành tại trường.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

4. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm kiểm tra
- Thi kết thúc học phần: Sử dụng câu hỏi truyền thống cải tiến, bộ câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Là môn học hỗ trợ cho các học phần bào chế
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Lý thuyết: Giáo viên kết hợp sử dụng các phương pháp: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm.
 - Thực hành: Thực hiện các bài thực hành tại phòng thực tập. Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 20 – 25 học sinh.
3. Những trọng tâm cần chú ý: không
4. Tài liệu tham khảo:
 - Giáo trình môn học Hóa phân tích 1 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
 - Hóa phân tích I, Trường ĐH Dược Hà Nội, 1998
 - Hóa phân tích, Trường Trung học kỹ thuật dược trung ương, 1995
 - Thực tập Hóa phân tích – Trường ĐH Dược Hà Nội, 1998
 - Dược điển Việt nam IV, 2010.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 10

Tên môn học: HÓA PHÂN TÍCH 2

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 24 giờ, kiến tập 5 giờ, kiểm tra: 3 giờ)

II. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 2

- **Tính chất:** Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc chung, các phương pháp phân tích định lượng, sai số, cách khắc phục, cách trình bày dữ liệu phân tích định lượng, phương pháp phân tích thể tích, khối lượng và công cụ, cách pha dung dịch chuẩn độ, định lượng bằng phương pháp acid - base, phương pháp tạo phức, phương pháp kết tủa, phương pháp oxy hóa.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức: Trình bày được các nguyên tắc, cách tiến hành, cách tính kết quả trong các phương pháp phân tích định lượng

- Về kỹ năng: Pha được một số dung dịch chuẩn độ và tiến hành định lượng được một số dung dịch, hóa chất bằng các phương pháp định lượng đã học đúng quy trình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để giải quyết được các kỹ thuật đúng và chính xác trong mọi hoạt động nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: Đại cương phân tích định lượng	2	2		
2	Chương 1. Các phương pháp định lượng	28	26		
	1. Phương pháp phân tích khối lượng	4	4		
	2. Phương pháp định lượng thể tích	6	6		
	3. Pha các dung dịch chuẩn độ	4	4		
	4. Định lượng bằng phương pháp acid-base	4	4		
	5. Định lượng bằng phương pháp kết tủa	4	4		

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	6. Định lượng bằng phương pháp Oxy hóa - Khử	4	4		
	Kiểm tra	2			2
3	Chương 2. Sử dụng các dụng cụ phân tích định lượng	4		4	
	1. Cân phân tích	1		1	
	2. Thực hành sử dụng các dụng cụ phân tích định lượng và định lượng acid acetic	3		3	
4	Chương 3. Các phương pháp định lượng	26		20	6
	1. Pha dung dịch chuẩn độ HCl 0,1N và NaOH 0,1N	2		2	
	2. Định lượng Natri hydrocarbonat	4		4	
	3. Định lượng Natri clorid bằng phương pháp Morh, Fonhard	3			3 (Kiến tập)
	4. Pha dung dịch chuẩn Kali permanganat 0,1N	2		2	
	5. Định lượng dung dịch nước Oxy già	4		4	
	6. Định lượng Acid Oxalic	4		4	
	7. Định lượng dung dịch Glucose	2			2 (Kiến tập)
	8. Định lượng thuốc tím	4		4	
	Kiểm tra	1			1
Tổng cộng		60	28	24	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: Đại cương phân tích định lượng

Thời gian: 2 giờ

Chương 1: Các phương pháp định lượng

Thời gian: 28 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các nguyên tắc, cách tiến hành, cách tính kết quả trong các phương pháp phân tích định lượng, pha được một số dung dịch chuẩn độ.

2. Nội dung chương:
 - 2.1. Phương pháp phân tích khối lượng
 - 2.1.1 Nguyên tắc
 - 2.1.2 Các giai đoạn của phương pháp phân tích khối lượng
 - 2.2. Phương pháp định lượng thể tích
 - 2.2.1 Nguyên tắc
 - 2.2.2 Các giai đoạn của phương pháp định lượng thể tích
 - 2.3. Pha các dung dịch chuẩn độ
 - 2.3.1 Định nghĩa
 - 2.3.2 Pha các dung dịch và chuẩn độ
 - 2.4. Định lượng bằng phương pháp acid-base
 - 2.4.1 Chuẩn độ 1 acid mạnh bằng 1 base mạnh
 - 2.4.2 Chuẩn độ 1 base mạnh bằng 1 acid mạnh
 - 2.4.3 Chuẩn độ các đa base bằng acid mạnh
 - 2.5. Định lượng bằng phương pháp kết tủa
 - 2.5.1 Các bước thực hiện phương pháp kết tủa
 - 2.5.2 Ghi nhận và tính toán kết quả
 - 2.6. Định lượng bằng phương pháp Oxy hóa - Khử
 - 2.6.1 Phương pháp định lượng bằng permanganate
 - 2.6.2 Phương pháp định lượng bằng iod

Chương 2: Sử dụng các dụng cụ phân tích định lượng Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Sử dụng được các dụng cụ trong nghiên cứu phân tích định lượng theo đúng quy trình.
2. Nội dung chương:
 - 2.1. Cân phân tích
 - 2.1.1 Cân phân tích và quy trình hiệu chuẩn
 - 2.1.2 Ghi nhận và so sánh kết quả
 - 2.2. Thực hành sử dụng các dụng cụ phân tích định lượng và định lượng acid acetic
 - 2.2.1 Sử dụng các dụng cụ phân tích định lượng
 - 2.2.2 Định lượng acid acetic

Chương 3: Các phương pháp định lượng Thời gian: 26 giờ

1. Mục tiêu: Pha được một số dung dịch chuẩn độ và tiến hành định lượng được một số dung dịch, hóa chất bằng các phương pháp định lượng đã học đúng quy trình. Rèn luyện được tác phong thận trọng, chính xác, trung thực trong mọi hoạt động nghề nghiệp.
2. Nội dung chương:
 - 2.1. Pha dung dịch chuẩn độ HCl 0,1N và NaOH 0,1N
 - 2.1.1 Pha dung dịch chuẩn độ HCl 0,1N
 - 2.1.2 Pha dung dịch chuẩn độ NaOH 0,1N
 - 2.2. Định lượng Natri hydrocarbonat
 - 2.2.1 Khái niệm
 - 2.2.2 Định lượng Natri hydrocarbonat
 - 2.3. Định lượng Natri clorid bằng phương pháp Morh, Fonhard
 - 2.3.1 Khái niệm
 - 2.3.2 Định lượng Natri clorid bằng phương pháp Morh
 - 2.4. Pha dung dịch chuẩn Kali permanganat 0,1N
 - 2.4.1 Khái niệm
 - 2.4.2 Pha dung dịch chuẩn Kali permanganate 0,1N
 - 2.5. Định lượng dung dịch nước Oxy già
 - 2.5.1 Khái niệm
 - 2.5.2 Định lượng dung dịch nước Oxy già
 - 2.6. Định lượng Acid Oxalic
 - 2.6.1 Khái niệm
 - 2.6.2 Định lượng Acid Oxalic
 - 2.7. Định lượng dung dịch Glucose
 - 2.7.1 Khái niệm
 - 2.7.2 Định lượng dung dịch Glucose
 - 2.8. Định lượng thuốc tím
 - 2.8.1 Khái niệm
 - 2.8.2 Định lượng thuốc tím

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường, phòng TH Hóa phân tích

2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, thiết bị phòng thực hành hóa phân tích có liên quan đến nội dung chương trình môn học
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, bảng kiểm, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung về các nguyên tắc, cách tiến hành, cách tính kết quả trong các phương pháp phân tích định lượng, pha được một số dung dịch chuẩn độ và tiến hành định lượng được một số dung dịch, hóa chất bằng các phương pháp định lượng đã học đúng quy trình.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc kiểm tra, báo cáo nhóm, thực hành tại trường.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm kiểm tra
- Thi kết thúc học phần: Sử dụng câu hỏi truyền thống cải tiến, bộ câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Là môn học bổ trợ cho các học phần bào chế

2. Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Lý thuyết: Giáo viên kết hợp sử dụng các phương pháp: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm.
- Thực hành: Thực hiện các bài thực hành tại phòng thực tập. Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 20 – 25 học sinh.

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Hóa phân tích 2 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Hóa phân tích I, Trường ĐH Dược Hà Nội, 1998
- Hóa phân tích, Trường Trung học kỹ thuật dược trung ương, 1995
- Thực tập Hóa phân tích – Trường ĐH Dược Hà Nội, 1998
- Dược điển Việt nam IV, 2010.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 11

Tên môn học: Y HỌC CƠ SỞ 1

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 28 giờ, kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 1

- **Tính chất:** Học phần này cung cấp cho học sinh những kiến thức về đại cương vi sinh vật học, vi sinh ký sinh trùng, giải phẫu sinh lý cơ thể người và một số bệnh thường gặp.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về vệ sinh dự phòng.

+ Trình bày được cấu tạo giải phẫu, hoạt động sinh lý của các bộ phận chính trong cơ thể người.

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng chính, thuốc điều trị và cách phòng một số bệnh thường mắc.

- Về kỹ năng: Xử trí được một số trường hợp cấp cứu thông thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để giải quyết được một số vấn đề về Y tế cộng đồng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: Đại cương về vi sinh vật và ký sinh trùng y học	6	6		
	- Đại cương về vi sinh vật y học	2	2		
	- Đại cương về ký sinh trùng y học và một số ký sinh trùng gây bệnh thường gặp	4	4		
2	Chương 1. Miễn dịch học	5	4		1
	1. Miễn dịch và tiêm chủng mở rộng	1	1		

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2. Môi trường và sức khỏe	1	1		
	3. Phòng và diệt côn trùng gây bệnh	1	1		
	4. HIV/AIDS và các biện pháp phòng chống	1	1		
	Kiểm tra				1
3	Chương 2. Giải phẫu sinh lý	49	19	28	2
	1. Cấu tạo tế bào và mô	1	1		
	2. Giải phẫu sinh lý da, cơ, xương. Một số bệnh thường gặp của hệ da, cơ, xương: bệnh ghẻ, nấm da, đái cương gãy xương	12	4	8	
	3. Giải phẫu sinh lý máu và bạch huyết. Một số bệnh thường gặp của máu và bạch huyết: bệnh suy tủy, bệnh xuất huyết do giảm tiểu cầu	12	4	8	
	Kiểm tra				1
	4. Giải phẫu sinh lý hệ tuần hoàn. Một số bệnh thường gặp của hệ tuần hoàn: bệnh cao huyết áp, thiếu máu cơ tim, nhồi máu cơ tim, tai biến mạch máu não.	10	4	8	
5. Giải phẫu sinh lý hệ hô hấp. Một số bệnh thường gặp của hệ hô hấp: bệnh lao, viêm phổi, hen suyễn	10	6	4		
	Kiểm tra				1
Tổng cộng		60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: Đại cương về vi sinh vật và ký sinh trùng y học, và một số ký sinh trùng gây bệnh thường gặp

Thời gian: 6 giờ

Chương 1: Miễn dịch học

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các kiến thức cơ bản về miễn dịch học. Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học để giải quyết được một số vấn đề về Y tế cộng đồng
2. Nội dung chương:
 - 2.1. Miễn dịch và tiêm chủng mở rộng
 - 2.1.1 Miễn dịch học
 - 2.1.2 Chương trình tiêm chủng mở rộng
 - 2.2. Môi trường và sức khỏe
 - 2.2.1 Môi trường
 - 2.2.2 Sức khỏe
 - 2.2.3 Mối quan hệ giữa môi trường và sức khỏe
 - 2.3. Phòng và diệt côn trùng gây bệnh
 - 2.3.1 Đại cương
 - 2.3.2 Một số côn trùng và sinh vật truyền bệnh
 - 2.3.3 Các biện pháp phòng chống côn trùng gây bệnh
 - 2.4. HIV/AIDS và các biện pháp phòng chống
 - 2.4.1 HIV/AIDS
 - 2.4.2 Các biện pháp phòng chống HIV/AIDS

Chương 2: Giải phẫu sinh lý

Thời gian: 49 giờ

1. Mục tiêu:
 - Trình bày được cấu tạo giải phẫu, hoạt động sinh lý của các bộ phận chính trong cơ thể người.
 - Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng chính, thuốc điều trị và cách phòng một số bệnh thường mắc.
 - Xử trí được một số trường hợp cấp cứu thông thường.
2. Nội dung chương:
 - 2.1. Cấu tạo tế bào và mô
 - 2.1.1 Tế bào
 - 2.1.2 Mô
 - 2.2. Giải phẫu sinh lý da, cơ, xương. Một số bệnh thường gặp của hệ da, cơ, xương:
 - bệnh ghẻ, nấm da, đại cương gãy xương
 - 2.2.1 Giải phẫu sinh lý da và một số bệnh thường gặp của hệ da

- 2.2.2 Giải phẫu sinh lý cơ và một số bệnh thường gặp của hệ cơ
- 2.2.3 Giải phẫu sinh lý xương và một số bệnh thường gặp của hệ xương
- 2.3. Giải phẫu sinh lý máu và bạch huyết. Một số bệnh thường gặp của máu và bạch huyết: bệnh suy tủy, bệnh xuất huyết do giảm tiểu cầu
 - 2.3.1 Giải phẫu sinh lý máu và bạch huyết
 - 2.3.2 Một số bệnh thường gặp của máu và bạch huyết
- 2.4. Giải phẫu sinh lý hệ tuần hoàn. Một số bệnh thường gặp của hệ tuần hoàn: bệnh cao huyết áp, thiếu máu cơ tim, nhồi máu cơ tim, tai biến mạch máu não.
 - 2.4.1 Giải phẫu sinh lý hệ tuần hoàn
 - 2.4.2 Một số bệnh thường gặp của hệ tuần hoàn
- 2.5. Giải phẫu sinh lý hệ hô hấp. Một số bệnh thường gặp của hệ hô hấp: bệnh lao, viêm phổi, hen suyễn
 - 2.5.1 Giải phẫu sinh lý hệ hô hấp
 - 2.5.2 Một số bệnh thường gặp của hệ hô hấp

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường, phòng TH Giải phẫu sinh lý
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, thiết bị phòng thực hành giải phẫu sinh lý có liên quan đến nội dung chương trình môn học.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, bảng kiểm, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

VI. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:
 - Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung về những kiến thức cơ bản về vệ sinh dự phòng và trình bày được cấu tạo giải phẫu, hoạt động sinh lý của các bộ phận chính trong cơ thể người cũng như các nguyên nhân, triệu chứng chính, thuốc điều trị và cách phòng một số bệnh thường mắc.
 - Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc kiểm tra, thảo luận nhóm, thực hành tại trường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 cột điểm kiểm tra
- Kiểm tra định kỳ: 2 cột điểm kiểm tra
- Thi kết thúc học phần: Sử dụng câu hỏi truyền thống cải tiến, bộ câu hỏi trắc nghiệm.

V. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Là môn học bổ trợ cho các học phần hóa dược-dược lý và dược lâm sàng.

2. Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Lý thuyết: Giáo viên kết hợp sử dụng các phương pháp: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm.
- Thực hành: Thực hiện các bài thực hành tại phòng thực tập. Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 20 – 25 học sinh.

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Y học cơ sở 1 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Giải phẫu sinh lý, NXB Y học, 1997
- Giải phẫu đại cương, Trường ĐH Dược Hà Nội, 2002
- Vi sinh học, Trường ĐH Dược Hà Nội, 1999
- Ký sinh trùng, Trường ĐH Dược Hà Nội, 1999
- Bài giảng bệnh học, Trường ĐH Dược Hà Nội, 2003
- Giáo trình môn y học cơ sở, Trường Trung học Dược Bộ Y tế

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 12

Tên môn học: Y HỌC CƠ SỞ 2

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 28 giờ, kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 2

- **Tính chất:** Học phần này cung cấp cho học sinh những kiến thức về hình thể ngoài, hình thể trong, sự liên quan của các cơ quan trong cơ thể người, giúp học sinh nắm được chức năng sinh lý và các hoạt động điều hoà chức năng của các cơ quan.

II. Mục tiêu của môn học:

- Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong và liên quan, của các cơ quan trong cơ thể người trên mô hình, tranh vẽ.

- Trình bày được chức năng sinh lý của từng cơ quan trong cơ thể người và các hoạt động điều hoà chức năng các cơ quan đó.

- Vận dụng được kiến thức đã học về giải phẫu để áp dụng vào các môn học chuyên ngành khác.

- Biểu lộ tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1. Giải phẫu sinh lý	26	26		
	1. Giải phẫu sinh lý hệ tiêu hóa. Một số bệnh thường gặp của hệ tiêu hóa: Bệnh nội khoa: tiêu chảy, bệnh viêm loét dạ dày, tá tràng, ngộ độc thức ăn; Bệnh ngoại khoa: viêm ruột thừa, tắc ruột, lồng ruột, viêm phúc mạc	12	4	8	
	2. Giải phẫu sinh hệ tiết niệu. Một số bệnh thường gặp của hệ tiết niệu: Sỏi thận, suy thận, nhiễm	12	4	8	

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	trùng đường tiết niệu.				
	Kiểm tra				1
	3. Giải phẫu sinh lý hệ sinh dục. Một số bệnh thường gặp của hệ sinh dục: u nang buồng trứng, u xơ tử cung, ra máu âm đạo bất thường, bệnh phụ khoa thường gặp	8	4	4	
	Kiểm tra				1
	4. Giải phẫu sinh lý hệ nội tiết. Một số bệnh thường gặp của hệ nội tiết: suy tuyến thượng thận, bướu cổ,	8	4	4	
	5. Giải phẫu sinh lý hệ thần kinh. Một số bệnh thường gặp của hệ thần kinh: nhức đầu, viêm não	6	4	2	
	6. Giải phẫu sinh lý mắt. Một số bệnh thường gặp của mắt; đau mắt đỏ, xử trí ban đầu dị vật mắt	2	2		
	7. Giải phẫu sinh lý tai – mũi - họng. Một số bệnh thường gặp về tai – mũi - họng: viêm Amydales, viêm họng, viêm tai, chảy máu cam	2	2		
	8. Giải phẫu sinh lý răng - hàm - mặt. Một số bệnh thường gặp về răng – hàm – mặt: sâu răng	2	2		
2	Chương 2. Cấp cứu ban đầu: Sơ cứu gãy xương, băng vết thương, xoa bóp tim ngoài lồng ngực, hô hấp nhân tạo, cấp cứu dị vật đường thở	5	3	2	
	Kiểm tra				1
Tổng cộng		60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Giải phẫu sinh lý

Thời gian: 54 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong và liên quan, của các cơ quan trong cơ thể người trên mô hình, tranh vẽ.

- Trình bày được chức năng sinh lý của từng cơ quan trong cơ thể người và các hoạt động điều hòa chức năng các cơ quan đó.

2. Nội dung chương:

2.1. Giải phẫu sinh lý hệ tiêu hóa. Một số bệnh thường gặp của hệ tiêu hóa: Bệnh nội khoa: tiêu chảy, bệnh viêm loét dạ dày, tá tràng, ngộ độc thức ăn; Bệnh ngoại khoa: viêm ruột thừa, tắc ruột, lồng ruột, viêm phúc mạc

2.1.1 Giải phẫu sinh lý hệ tiêu hóa

2.1.2 Một số bệnh thường gặp của hệ tiêu hóa

2.2. Giải phẫu sinh hệ tiết niệu. Một số bệnh thường gặp của hệ tiết niệu: Sỏi thận, suy thận, nhiễm trùng đường tiết niệu.

2.2.1 Giải phẫu sinh hệ tiết niệu

2.2.2 Một số bệnh thường gặp của hệ tiết niệu

2.3. Giải phẫu sinh lý hệ sinh dục. Một số bệnh thường gặp của hệ sinh dục: u nang buồng trứng, u xơ tử cung, ra máu âm đạo bất thường, bệnh phụ khoa thường gặp

2.3.1 Giải phẫu sinh lý hệ sinh dục

2.3.2 Một số bệnh thường gặp của hệ sinh dục

2.4. Giải phẫu sinh lý hệ nội tiết. Một số bệnh thường gặp của hệ nội tiết: suy tuyến thượng thận, bướu cổ.

2.4.1. Giải phẫu sinh lý hệ nội tiết

2.4.2. Một số bệnh thường gặp của hệ nội tiết

2.5. Giải phẫu sinh lý hệ thần kinh. Một số bệnh thường gặp của hệ thần kinh: nhức đầu, viêm não

2.5.1 Giải phẫu sinh lý hệ thần kinh

2.5.2 Một số bệnh thường gặp của hệ thần kinh

2.6. Giải phẫu sinh lý mắt. Một số bệnh thường gặp của mắt: đau mắt đỏ, xử trí ban đầu dị vật mắt

2.6.1 Giải phẫu sinh lý mắt

2.6.2 Một số bệnh thường gặp của mắt

2.7. Giải phẫu sinh lý tai mũi họng. Một số bệnh thường gặp về tai mũi họng: viêm Amydales, viêm họng, viêm tai, chảy máu cam

2.7.1 Giải phẫu sinh lý tai mũi họng

2.7.2 Một số bệnh thường gặp về tai mũi họng

2.8. Giải phẫu sinh lý răng hàm mặt. Một số bệnh thường gặp về răng hàm mặt:
sâu răng

2.8.1 Giải phẫu sinh lý răng hàm mặt

2.8.2 Một số bệnh thường gặp về răng hàm mặt

Chương 2: Cấp cứu ban đầu: Sơ cứu gãy xương, băng vết thương, xoa bóp tim ngoài lồng ngực, hô hấp nhân tạo, cấp cứu dị vật đường thở Thời gian: 6 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường, phòng TH Giải phẫu sinh lý
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, thiết bị phòng thực hành giải phẫu sinh lý có liên quan đến nội dung chương trình môn học.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, bảng kiểm, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung về chức năng sinh lý của từng cơ quan trong cơ thể người và các hoạt động điều hòa chức năng các cơ quan đó.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc kiểm tra, thảo luận nhóm, thực hành tại trường.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm kiểm tra

- Thi kết thúc học phần: Sử dụng câu hỏi truyền thống cải tiến, bộ câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Là môn học bổ trợ cho các học phần hóa dược-dược lý và dược lâm sàng.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Lý thuyết: Giáo viên kết hợp sử dụng các phương pháp: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm.
 - Thực hành: Thực hiện các bài thực hành tại phòng thực tập. Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 20 – 25 học sinh.
3. Những trọng tâm cần chú ý: không
4. Tài liệu tham khảo:
 - Giáo trình môn học Giải phẫu sinh lý của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
 - Giải phẫu sinh lý, NXB Y học, 1997
 - Giải phẫu đại cương, Trường ĐH Dược Hà Nội, 2002
 - Vi sinh học, Trường ĐH Dược Hà Nội, 1999
 - Ký sinh trùng, Trường ĐH Dược Hà Nội, 1999
 - Bài giảng bệnh học, Trường ĐH Dược Hà Nội, 2003
 - Giáo trình môn y học cơ sở, Trường Trung học Dược, Bộ Y tế.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 13

Tên môn học: TRUYỀN THÔNG-GIÁO DỤC SỨC KHỎE

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ, thảo luận 4 giờ, kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 1

- **Tính chất:** Học phần này cung cấp cho học sinh một số khái niệm cơ bản về tâm lý, tâm lý y học và những kiến thức cơ bản về giao tiếp, tư vấn và giáo dục sức khỏe. Giúp học sinh thực hiện được một số kỹ năng giao tiếp, tư vấn sức khỏe có hiệu quả, lập được kế hoạch một buổi truyền thông-giáo dục sức khỏe.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được khái niệm về sức khỏe và nâng cao sức khỏe.
- + Trình bày những kiến thức cơ bản về giao tiếp, tư vấn và giáo dục sức khỏe.
- + Thực hiện được một số kỹ năng giao tiếp, tư vấn sức khỏe có hiệu quả.

- Về kỹ năng: Lập kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng những kiến thức về giao tiếp, tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe trong quá trình thực tập và hành nghề.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Chương 1. Các khái niệm về sức khỏe và tâm lý học	10	10		
	1. Khái niệm về sức khỏe và nâng cao sức khỏe	2	2		
	2. Khái niệm về tâm lý học và tâm lý học Y học – tâm lý người bệnh	4	4		
	3. Đại cương về giáo dục sức khỏe (GDSK)	4	4		
2	Chương 2. Truyền thông GDSK tại cộng đồng	20	14	4	2
	Kiểm tra				1

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
	1. Những nội dung chính cần truyền thông GDSK tại cộng đồng	3	2	1	
	2. Các phương pháp, phương tiện TT – GDSK	5	4	1	
	3. Lập kế hoạch một buổi GDSK	5	4	1	
	4. Giao tiếp và kỹ năng giao tiếp trong TT – GDSK	5	4	1	
	Kiểm tra				1
Tổng cộng		30	24	4	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Các khái niệm về sức khỏe và tâm lý học

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm về sức khỏe và nâng cao sức khỏe

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm về sức khỏe và nâng cao sức khỏe

2.1.1 Sức khỏe và định hướng chăm sóc sức khỏe

2.1.2 Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe

2.2. Khái niệm về tâm lý học và tâm lý Y học – tâm lý người bệnh

2.2.1 Đại cương về tâm lý học và tâm lý y học

2.2.2 Các quá trình và trạng thái tâm lý

2.2.3 Tâm lý học nhân cách

2.2.4 Tâm lý bệnh nhân

2.2.5 Tâm lý người thầy thuốc

2.3. Đại cương về giáo dục sức khỏe (GDSK)

2.3.1 Khái niệm giáo dục sức khỏe

2.3.2 Bản chất của quá trình giáo dục sức khỏe

Chương 2: Truyền thông GDSK tại cộng đồng

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày những kiến thức cơ bản về giao tiếp, tư vấn và giáo dục sức khỏe

2. Nội dung chương:

2.1. Những nội dung chính cần truyền thông GDSK tại cộng đồng

- 2.1.2 Khái niệm, vị trí, vai trò của truyền thông GDSK tại cộng đồng
- 2.1.2 Một số nội dung cần truyền thông GDSK tại cộng đồng
- 2.2. Các phương pháp, phương tiện TT – GDSK
 - 2.2.1 Nguyên tắc truyền thông GDSK tại cộng đồng
 - 2.2.2 Các kỹ năng trong truyền thông, giáo dục sức khỏe
- 2.3. Lập kế hoạch một buổi GDSK
 - 2.3.1 Lập kế hoạch
 - 2.3.2 Quản lý hoạt động TT-GDSK
- 2.4. Giao tiếp và kỹ năng giao tiếp trong TT – GDSK
 - 2.4.1 Những vấn đề chung về giao tiếp
 - 2.4.2 Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường.
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, trang thiết bị có liên quan đến nội dung chương trình môn học.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:
 - Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung cơ bản về tâm lý, tâm lý y học và những kiến thức cơ bản về giao tiếp, tư vấn và giáo dục sức khỏe.
 - Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng giao tiếp, tư vấn sức khỏe có hiệu quả, lập được kế hoạch một buổi truyền thông-giáo dục sức khỏe của học sinh thông qua việc kiểm tra, thảo luận nhóm, đóng vai và lập kế hoạch GDSK tại trường.
 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.
2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra
- Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra
- Thi kết thúc học phần: Sử dụng câu hỏi truyền thống cải tiến, bộ câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp y dược trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực
- Thực hành: Thảo luận nhóm, làm bài tập tình huống, đóng vai, giao tiếp giáo dục sức khỏe.

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Truyền thông-Giáo dục sức khỏe của Trường Cao đẳng Y tế

Đồng Tháp

- Giáo dục sức khỏe, Trường ĐH Y Hà Nội.
- Giáo dục sức khỏe, Trường ĐH Y tế công cộng, 2001
- Giáo dục sức khỏe, Tổ chức y tế thế giới, 1998
- Giáo trình cơ bản về GDSK
- Quản lý sức khỏe và CSSKBD

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 14

Tên môn học: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 0 giờ, Kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 4

- **Tính chất:** Học phần giúp học sinh có những khái niệm và hiểu biết về hệ thống tổ chức y tế Việt Nam, các quan điểm, đường lối của Đảng về công tác y tế, nhiệm vụ của Ngành Y tế trong giai đoạn hiện nay, nắm được tổ chức ngành dược, chức trách, chế độ quy định của người dược sinh trung học, cũng như khái niệm cơ bản về quản lý y tế và chu trình quản lý từ đó thực hiện được một số kỹ năng quản lý chăm sóc sức khoẻ ban đầu và nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác tổ chức quản lý trong bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được hệ thống tổ chức y tế Việt Nam, các quan điểm, đường lối của Đảng về công tác y tế, nhiệm vụ của Ngành Y tế trong giai đoạn hiện nay.

+ Trình bày được tổ chức ngành dược, chức trách, chế độ quy định của dược sĩ trung học.

+ Trình bày được khái niệm cơ bản về quản lý y tế và chu trình quản lý.

- Về kỹ năng: Thực hiện một số kỹ năng quản lý chăm sóc sức khoẻ ban đầu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức quản lý trong bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1. Hệ thống tổ chức ngành Y tế	6	6		
	1. Hệ thống tổ chức ngành Dược.	2	2		
	2. Những quan điểm, đường lối cơ bản của	4	4		

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Đảng về công tác CS và BVSKND, Chiến lược CS và BVSK nhân dân trong giai đoạn hiện nay.				
2	Chương 2. Tổ chức và quản lý tế	24	24		
	1. Đạo đức của người cán bộ Y tế	1	1		
	2. Tổ chức và quản lý y tế cơ sở	2	2		
	3. Tổ chức và quản lý bệnh viện	2	2		
	4. Chức trách, chế độ quy định đối với ngành dược	2	2		
	5. Đại cương về quản lý y tế	2	1		1
	6. Lập kế hoạch y tế	4	4		
	7. Theo dõi, giám sát đánh giá hoạt động y tế	4	4		
	8. Truyền thông giao tiếp với đồng nghiệp	2	2		
	9. Huy động sự tham gia của cộng đồng	2	2		
	10. Làm việc theo nhóm	3	2		1
Tổng cộng		30	28		2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Hệ thống tổ chức ngành Dược

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được hệ thống tổ chức y tế Việt Nam, các quan điểm, đường lối của Đảng về công tác y tế, nhiệm vụ của Ngành Y tế trong giai đoạn hiện nay

2. Nội dung chương:

2.1. Hệ thống tổ chức ngành y tế, ngành Dược.

2.1.1 Tổ chức chung của ngành Y tế Việt Nam

2.1.2 Tổ chức của các tuyến y tế

2.1.3 Tổ chức ngành Dược Việt Nam

2.1.4 Nhiệm vụ của người dược sĩ

2.2. Những quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng về công tác CS và BVSKND, Chiến lược CS và BVSK nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

2.2.1 Những quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng về công tác CS và BVSKND

2.2.2 Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Chương 2: Tổ chức và quản lý tế

Thời gian: 24 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được tổ chức ngành dược, chức trách, chế độ quy định của dược sĩ. Trình bày được khái niệm cơ bản về quản lý y tế và chu trình quản lý. Thực hiện một số kỹ năng quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức quản lý trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Nội dung chương:

2.1. Đạo đức của người cán bộ Y tế

2.1.1 Khái niệm

2.1.2 Phẩm chất đạo đức của người cán bộ y tế

2.2. Tổ chức và quản lý y tế cơ sở

2.2.1 Tổ chức y tế cơ sở

2.2.2 Quản lý y tế cơ sở

2.3. Tổ chức và quản lý bệnh viện

2.3.1 Tổ chức bệnh viện

2.3.2 Quản lý bệnh viện

2.4. Chức trách, chế độ quy định đối với người dược sĩ

2.5. Đại cương về quản lý y tế

2.6. Lập kế hoạch y tế

2.7. Theo dõi, đánh giá hoạt động y tế

2.8. Giám sát

2.9. Truyền thông giao tiếp với đồng nghiệp

2.10. Huy động sự tham gia của cộng đồng

2.11. Làm việc theo nhóm

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường.

2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, trang thiết bị có liên quan đến nội dung chương trình môn học.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung về hệ thống tổ chức y tế Việt Nam, các quan điểm, đường lối của Đảng về công tác y tế, nhiệm vụ của Ngành Y tế trong giai đoạn hiện nay, nội dung cơ bản về quản lý y tế và chu trình quản lý
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu của học sinh thông qua việc kiểm tra, thảo luận nhóm.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra .
- Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra.
- Kiểm tra kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống, câu hỏi trắc nghiệm, bài tập tình huống.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp y dược trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực, đưa ra các tình huống thảo luận
- Đối với người học: thảo luận, làm bài tập nhóm, trả lời các câu hỏi lượng giá

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Tổ chức và quản lý y tế của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Y xã hội học và tổ chức y tế, Trường Đại học Y Hà Nội.
- Giáo trình môn học Quản lý Y tế, Trường Đại học Y tế công cộng, năm 2001.
- Các văn bản của Đảng, Chính phủ, Bộ Y tế về công tác y tế.
- 12 điều quy định về Y đức.
- Quản lý các chương trình y tế ở tuyến y tế cơ sở, NXB Y học, năm 1990.
- Giáo trình môn học Quản lý và tổ chức y tế của nhà trường.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 15

Tên môn học: DƯỢC LIỆU

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ; (Lý thuyết: 58 giờ; Thực hành: 57 giờ, kiểm tra 4 giờ, kiến tập 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 2

- **Tính chất:** Dược liệu là môn học chuyên ngành giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về công tác dược liệu, các nhóm chất chính trong dược liệu và các dược liệu thiết yếu.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được tính chất, tác dụng của các nhóm hoạt chất thường có trong dược liệu.

+ Nêu được các phương pháp chung về thu hái, chế biến sơ bộ dược liệu.

+ Trình bày được các tiêu chuẩn chất lượng và kỹ thuật chung trong việc kiểm tra chất lượng dược liệu.

+ Trình bày được các đặc điểm hình thái thực vật điển hình, bộ phận dùng, cách thu hái, hoạt chất chính, công dụng, cách dùng và bảo quản các cây, con làm thuốc quy định trong chương trình.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết và hướng dẫn sử dụng đúng các vị dược liệu thiết yếu dùng làm thuốc.

+ Hướng dẫn trồng và sử dụng được một số cây thuốc thông thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận dạng và trồng đúng các loại cây thuốc trong danh mục.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1. Đại cương về dược liệu	15	14		1
	1. Đại cương về dược liệu	2	2		

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2. Kỹ thuật thu hái, phơi sấy, chế biến sơ bộ và bảo quản dược liệu	2	2		
	3. Thành phần, tác dụng của các nhóm hoạt chất thường có trong dược liệu	10	10		
	Kiểm tra	1			1
2	Chương 2. Nhận biết và định tính các chất trong dược liệu	20		18	
	1. Nhận biết, soi kính hiển vi và định tính tinh bột, acid hữu cơ	4		4	
	2. Nhận biết và định tính tinh dầu, nhựa, đường	4		4	
	3. Nhận biết và định tính Glucosid trợ tim, Glucosid tủy	4		4	
	4. Nhận biết và định tính Alcaloid	3		3	
	5. Nhận biết và định tính Flavonoid, Anthocyanosid, Tanin	4		3	1 (kiến tập)
	Kiểm tra	1			1
	Chương 3. Các nhóm dược liệu	85	44	39	
	1. Dược liệu có tác dụng an thần, gây ngủ, giảm đau, chữa thấp khớp	8	4	4	
	2. Dược liệu chữa cảm sốt, sốt rét (soi bột bạc hà)	8	4	4	
	3. Dược liệu chữa ho, hen (soi bột cam thảo)	8	4	4	
	4. Dược liệu chữa bệnh tim mạch và cầm máu (soi bột hoa hòe)	6	2	4	
	5. Dược liệu chữa bệnh dạ dày	2	2		
	Kiểm tra	1			1
6. Dược liệu có tác dụng nhuận tràng, tẩy giun sán (soi bột đại hoàng)	8	4	4		

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	7. Dược liệu kích thích tiêu hóa, chữa tiêu chảy, lỵ	8	4	4	
	8. Dược liệu bổ dưỡng (Soi bột đẳng sâm)	12	8	4	
	9. Dược liệu có tác dụng tiêu độc, chữa bệnh phụ nữ (soi bột ích mẫu)	8	4	4	
	10. Dược liệu có tác dụng lợi tiểu, lợi nhuận gan, lợi mật (soi bột nghệ)	7	4	3	
	11. Kỹ thuật trồng và sử dụng thuốc Nam	8	4	4	
	Kiểm tra	1			1
Tổng cộng		120	58	57	5

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương về dược liệu

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tính chất, tác dụng của các nhóm hoạt chất thường có trong dược liệu.

- Nêu được các phương pháp chung về thu hái, chế biến sơ bộ dược liệu. Trình bày được các tiêu chuẩn chất lượng và kỹ thuật chung trong việc kiểm tra chất lượng dược liệu.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về dược liệu

2.1.1 Lịch sử phát triển môn dược liệu

2.1.2 Vị trí của dược liệu trong ngành y tế

2.2. Kỹ thuật thu hái, phơi sấy, chế biến sơ bộ và bảo quản dược liệu

2.2.1 Thu hái dược liệu

2.2.2 Ổn định dược liệu

2.2.3 Làm khô dược liệu

2.2.4 Đóng gói và bảo quản dược liệu

2.3. Thành phần, tác dụng của các nhóm hoạt chất thường có trong dược liệu

2.3.1 Carbonhydrat

2.3.2 Glycosid

2.3.3 Saponin

2.3.4 Anthranoid

2.3.5 Flavonoid

2.3.6 Coumarin

Chương 2: Nhận biết và định tính các chất trong dược liệu

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được tính chất, tác dụng của các nhóm hoạt chất thường có trong dược liệu. Trình bày được các tiêu chuẩn chất lượng và kỹ thuật chung trong việc kiểm tra chất lượng dược liệu.

2. Nội dung chương:

2.1. Nhận biết, soi kính hiển vi và định tính tinh bột, acid hữu cơ

2.1.1. Nhận biết tinh bột, acid hữu cơ

2.1.2. Định tính tinh bột, acid hữu cơ

2.2. Nhận biết và định tính tinh dầu, nhựa, đường

2.2.1. Nhận biết tinh dầu, nhựa, đường

2.2.2. Định tính tinh dầu, nhựa, đường

2.3. Nhận biết và định tính Glycosid trợ tim, Glycosid tẩy

2.3.1. Nhận biết glycoside trợ tim, glycoside tẩy

2.3.2. Định tính glycoside trợ tim, glycoside tẩy

2.4. Nhận biết và định tính Alcaloid

2.4.1. Nhận biết alkaloid

2.4.2. Định tính alkaloid

2.5. Nhận biết và định tính Flavonoid, Anthocyanosid, Tanin

2.5.1. Nhận biết flavonoid, anthocyanosid, tannin

2.5.2. Định tính flavonoid, anthocyanosid, tannin

Chương 3: Các nhóm dược liệu

Thời gian: 85 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các đặc điểm hình thái thực vật điển hình, bộ phận dùng, cách thu hái, hoạt chất chính, công dụng, cách dùng và bảo quản các cây, con làm thuốc quy định trong chương trình.

- Hướng dẫn trồng và sử dụng được một số cây thuốc thông thường.

- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng đúng các vị dược liệu thiết yếu dùng làm thuốc.

- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Dược liệu có tác dụng an thần, gây ngủ, giảm đau, chữa thấp khớp
 - 2.1.1 Đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, cách thu hái chế biến và bảo quản
 - 2.1.2 Công dụng, cách dùng, liều lượng
 - 2.1.3. Nhận biết dược liệu an thần gây ngủ, chữa bệnh thấp khớp, giảm đau
 - 2.1.4 Hướng dẫn sử dụng dược liệu an thần gây ngủ, chữa bệnh thấp khớp, giảm đau
 - 2.2. Dược liệu chữa cảm sốt, sốt rét
 - 2.2.1 Đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, cách thu hái chế biến và bảo quản
 - 2.2.2 Công dụng, cách dùng, liều lượng
 - 2.2.3. Nhận biết dược liệu chữa bệnh cảm cúm, sốt rét (soi bột bạc hà)
 - 2.2.4. Hướng dẫn sử dụng dược liệu chữa bệnh cảm cúm, sốt rét (soi bột bạc hà)
 - 2.3. Dược liệu chữa ho, hen
 - 2.3.1. Đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, cách thu hái chế biến và bảo quản
 - 2.3.2. Công dụng, cách dùng, liều lượng
 - 2.3.3. Nhận biết dược liệu chữa bệnh ho hen (soi bột cam thảo)
 - 2.3.4 Hướng dẫn sử dụng dược liệu chữa bệnh ho hen (soi bột cam thảo)
 - 2.4. Dược liệu chữa bệnh tim mạch và cầm máu
 - 2.4.1 Đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, cách thu hái chế biến và bảo quản
 - 2.4.2 Công dụng, cách dùng, liều lượng
 - 2.4.3. Nhận biết và hướng dẫn sử dụng dược liệu chữa tim mạch, cầm máu (soi bột hoa hòe)
 - 2.4.4. Nhận biết dược liệu chữa tim mạch, cầm máu (soi bột hoa hòe)
 - 2.5. Dược liệu chữa bệnh dạ dày
 - 2.5.1. Đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, cách thu hái chế biến và bảo quản
 - 2.5.2. Công dụng, cách dùng, liều lượng
 - 2.6. Dược liệu có tác dụng nhuận tràng, tẩy
 - 2.6.1. Đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, cách thu hái chế biến và bảo quản
 - 2.6.2. Công dụng, cách dùng, liều lượng
 - 2.7. Dược liệu trị giun sán
 - 2.7.1. Đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, cách thu hái chế biến và bảo quản
 - 2.7.2. Công dụng, cách dùng, liều lượng

- 2.7.3. Nhận biết dược liệu nhuận tẩy, trị giun sán (soi bột đại hoàng)
- 2.7.4. Hướng dẫn sử dụng dược liệu nhuận tẩy, trị giun sán (soi bột đại hoàng)
- 2.8. Dược liệu kích thích tiêu hóa, chữa tiêu chảy, lỵ
 - 2.8.1. Đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, cách thu hái chế biến và bảo quản
 - 2.8.2. Công dụng, cách dùng, liều lượng
 - 2.8.3. Nhận biết dược liệu chữa bệnh tiêu chảy, lỵ (soi bột quế)
 - 2.8.4. Hướng dẫn sử dụng dược liệu chữa bệnh tiêu chảy, lỵ (soi bột quế)
- 2.9. Dược liệu bổ dưỡng
 - 2.9.1. Đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, cách thu hái chế biến và bảo quản
 - 2.9.2 Công dụng, cách dùng, liều lượng
 - 2.9.3. Nhận biết và hướng dẫn sử dụng dược liệu bổ dưỡng (soi bột đẳng sâm)
 - 2.9.4. Nhận biết dược liệu bổ dưỡng (soi bột đẳng sâm)
- 2.10. Dược liệu có tác dụng tiêu độc, chữa bệnh phụ nữ
 - 2.10.1. Đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, cách thu hái chế biến và bảo quản
 - 2.10.2. Công dụng, cách dùng, liều lượng
 - 2.10.3. Nhận biết dược liệu tiêu độc, chữa bệnh phụ nữ (soi bột ích mẫu)
 - 2.10.4. Hướng dẫn sử dụng dược liệu tiêu độc, chữa bệnh phụ nữ (soi bột ích mẫu)
- 2.11. Dược liệu có tác dụng lợi tiểu, nhuận gan, lợi mật
 - 2.11.1 Đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, cách thu hái chế biến và bảo quản
 - 2.11.2 Công dụng, cách dùng, liều lượng
 - 2.11.3. Nhận biết dược liệu lợi tiểu, nhuận gan, lợi mật (soi bột nghệ)
 - 2.11.4. Hướng dẫn sử dụng dược liệu lợi tiểu, nhuận gan, lợi mật (soi bột nghệ)
- 2.12. Kỹ thuật trồng và sử dụng thuốc Nam

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường, phòng TH Dược liệu, vườn dược liệu
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, trang thiết bị thực hành có liên quan đến nội dung chương trình môn học.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, bảng kiểm, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

-Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành tại phòng TH Dược liệu và vườn dược liệu tại trường, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung kiến thức cơ bản về công tác dược liệu, các nhóm chất chính trong dược liệu và các dược liệu thiết yếu

-Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng sử dụng được một số cây thuốc thông thường, hướng dẫn sử dụng đúng các vị dược liệu thiết yếu dùng làm thuốc của học sinh thông qua việc kiểm tra, thuyết trình, thực hành tại phòng TH Dược liệu.

-Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm kiểm tra.
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm kiểm tra.
- Kiểm tra kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống, câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp dược trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Giáo viên kết hợp sử dụng các phương pháp: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm.

- Thực hành: Thực hiện các bài thực hành tại phòng thực hành dược liệu và vườn dược liệu. Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 20 – 25 học sinh.

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Dược liệu của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Bài giảng Dược liệu tập 1, Trường đại học Dược Hà Nội, NXB Y học. 1998
- Cây thuốc Việt Nam, Viện Dược liệu – Bộ Y tế, NXBKHK, 1990
- Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Đỗ Tất Lợi, NXB Y học, 1999

- Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập 1, NXB Y học, 2004
- Giáo trình Dược liệu, Trường trung học Dược, Bộ Y tế

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 16

Tên môn học: BÀO CHẾ 1

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 58 giờ, kiểm tra 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 2

- **Tính chất:** Học phần Bào chế cung cấp các kiến thức và trang bị kỹ năng thực hành để pha chế, sản xuất, kiểm tra chất lượng, đóng gói, bảo quản các dạng bào chế thông thường.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật bào chế các dạng thuốc thông thường.

+ Sử dụng các dụng cụ thông dụng dùng trong bào chế thuốc đúng kỹ thuật.

- Về kỹ năng: Bào chế được một số dạng thuốc thông thường và hướng dẫn sử dụng đúng các dạng thuốc đó

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự rèn luyện được tác phong thận trọng, chính xác, trung thực, vô khuẩn trong bào chế thuốc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1. Đại cương về bào chế	34	13	19	2
	1. Đại cương về bào chế học	1	1		
	2. Cân, cách sử dụng cân trong bào chế thuốc	5	1	4	
	3. Kỹ thuật đong, đo, pha cồn trong bào chế thuốc	6	2	4	
	4. Kỹ thuật nghiền, tán, rây, trộn đều	8	2	6	
	5. Kỹ thuật hòa tan, làm trong dung dịch, chiết xuất	8	3	5	

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	6. Các phương pháp tiệt khuẩn trong bào chế thuốc	2	2		
	7. Nước cất và các tiêu chuẩn của nước cất	2	2		
	Kiểm tra	2			2
2	Chương 2. Bào chế các dạng thuốc	56	15	39	2
	1. Bào chế các dạng thuốc đông dược	2	2		
	2. Thuốc bột	10	2	8	
	3. Thuốc cốm	10	2	8	
	4. Viên nén, viên bao	18	2	16	
	5. Viên nang	3	3		
	6. Dung dịch thuốc	6	2	4	
	7. Thuốc nhỏ mắt	5	2	3	
	Kiểm tra	2			2
Tổng cộng		90	28	58	4

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương về bào chế

Thời gian: 34 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật bào chế các dạng thuốc thông thường. Sử dụng các dụng cụ thông dụng dùng trong bào chế thuốc đúng kỹ thuật.
- Sử dụng được các dụng cụ thông dụng dùng trong bào chế thuốc đúng kỹ thuật. Rèn luyện được tác phong thận trọng, chính xác, trung thực, vô khuẩn trong bào chế thuốc.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về bào chế học

2.1.1 Khái niệm về bào chế học

2.1.2 Sơ lược về lịch sử phát triển

2.1.3 Một số khái niệm hay dụng cụ trong bào chế

- 2.2. Cân, cách sử dụng cân trong bào chế thuốc
 - 2.2.1. Các loại cân thường sử dụng trong bào chế
 - 2.2.2. Cách sử dụng cân trong bào chế thuốc
 - 2.2.3. Ghi nhận kết quả
- 2.3. Kỹ thuật đong, đo, pha cồn trong bào chế thuốc
 - 2.3.1. Các dụng cụ đong, đo thể tích và cách sử dụng
 - 2.3.2. Đo tỷ trọng chất lỏng
 - 2.3.3. Đo và pha cồn
 - 2.3.4. Đong, đo, pha cồn
 - 2.3.5. Ghi nhận kết quả
- 2.4. Kỹ thuật nghiền, tán, rây, trộn đều
 - 2.4.1. Khái niệm nghiền, tán, rây, trộn đều
 - 2.4.2. Kỹ thuật nghiền, tán, rây, trộn đều
 - 2.4.3. Ghi nhận kết quả
- 2.5. Kỹ thuật hòa tan, làm trong dung dịch, chiết xuất
 - 2.5.1. Khái niệm hòa tan, làm trong dung dịch, chiết xuất
 - 2.5.2. Kỹ thuật hòa tan, làm trong dung dịch, chiết xuất
 - 2.5.3. Ghi nhận kết quả
- 2.6. Các phương pháp tiệt khuẩn trong bào chế thuốc
 - 2.6.1. Khái niệm về tiệt trùng, khử trùng
 - 2.6.2. Các phương pháp khử trùng, tiệt trùng và ưu, nhược điểm
- 2.7. Nước cất và các tiêu chuẩn của nước cất
 - 2.7.1. Nước cất
 - 2.7.2. Các tiêu chuẩn của nước cất

Chương 2: Bào chế các dạng thuốc

Thời gian: 56 giờ

1. Mục tiêu: Bào chế được một số dạng thuốc thông thường và hướng dẫn sử dụng đúng các dạng thuốc đó.
2. Nội dung chương:
 - 2.1. Bào chế các dạng thuốc đông dược
 - 2.1.1. Đại cương bào chế đông dược
 - 2.1.2. Kỹ năng bào chế và chế biến đông dược
 - 2.2. Thuốc bột

- 2.2.1 Định nghĩa
- 2.2.2 Phân loại
- 2.2.3 Ưu điểm và nhược điểm của thuốc bột
- 2.2.4 Kỹ thuật bào chế
- 2.3. Thuốc cốm
- 2.3.1 Thành phần
- 2.3.2 Kỹ thuật bào chế
- 2.4. Viên nén, viên bao
- 2.4.1 Đại cương
- 2.4.2 Ưu, nhược điểm của viên nén, viên bao
- 2.4.3 Kỹ thuật bào chế viên nén, viên bao
- 2.5. Viên nang
- 2.5.1 Đại cương
- 2.5.2 Ưu, nhược điểm của viên nang
- 2.5.3 Kỹ thuật bào chế viên nang
- 2.6. Dung dịch thuốc
- 2.6.1 Định nghĩa
- 2.6.2 Phân loại
- 2.6.3 Ưu, nhược điểm
- 2.6.4 Kỹ thuật bào chế các dạng dung dịch thuốc
- 2.7. Thuốc nhỏ mắt
- 2.7.1 Định nghĩa
- 2.7.2 Kỹ thuật bào chế thuốc nhỏ mắt

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường, phòng TH Bào chế
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, trang thiết bị thực hành bào chế có liên quan đến nội dung chương trình môn học.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, bảng kiểm, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành tại phòng TH bào chế, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung các kiến thức về cách pha chế, sản xuất, kiểm tra chất lượng, đóng gói, bảo quản các dạng bào chế thông thường.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng thực hành pha chế, sản xuất, kiểm tra chất lượng, đóng gói, bảo quản các dạng bào chế thông thường của học sinh thông qua việc kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành tại phòng TH Bào chế.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm kiểm tra .
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm kiểm tra.
- Kiểm tra kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống, câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp dược trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Lý thuyết: Giáo viên kết hợp sử dụng các phương pháp: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm.
 - Thực hành: Thực hiện các bài thực hành tại phòng thực tập. Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 20 – 25 học sinh.
3. Những trọng tâm cần chú ý:
4. Tài liệu tham khảo:
 - Giáo trình môn học Bào chế 1 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
 - Dược điển Việt Nam IV, 2013, Bộ y tế, NXB Y học.
 - Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc, 2002, NXB Y học.
 - Giáo trình sinh dược học Bào chế, 2003 – 2004 Trường ĐH Dược HN.

- Giáo trình Bào chế, Trường trung học dược, Bộ y tế.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 17

Tên môn học: BẢO CHẾ 2

Mã môn học: BSP0051

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 44 giờ; Thực hành: 28 giờ, kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 3

- **Tính chất:** Học phần Bảo chế cung cấp các kiến thức và trang bị kỹ năng thực hành để pha chế, sản xuất, kiểm tra chất lượng, đóng gói, bảo quản các dạng bào chế thông thường.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật bào chế các dạng thuốc thông thường.

+ Sử dụng các dụng cụ thông dụng dùng trong bào chế thuốc đúng kỹ thuật.

- Về kỹ năng: Bào chế được một số dạng thuốc thông thường và hướng dẫn sử dụng đúng các dạng thuốc đó

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự rèn luyện được tác phong thận trọng, chính xác, trung thực, vô khuẩn trong thực hành pha chế các dạng thuốc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Các dạng thuốc				
	1. Thuốc tiêm	4	4		
	2. Thuốc tiêm truyền	4	4		
	3. Cồn thuốc	6	4	2	
	4. Cao thuốc	4	4		
	5. Siro thuốc	6	4	2	
	Kiểm tra	1			1

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	6. Potio thuốc	8	4	4	
	7. Nhũ tương	8	4	4	
	8. Hỗn dịch	6	2	4	
	Kiểm tra	1			1
	9. Thuốc mỡ	8	4	4	
	10. Thuốc đạn, trứng	8	4	4	
	11. Một số dạng thuốc khác	3	3		
	12. Tương kỵ trong bào chế thuốc	3	3		
	13. Thực hành bào chế cao xoa	2		2	
	14. Thực hành bào chế thuốc rã miệng	2		2	
	Kiểm tra	1			1
Tổng cộng		75	44	28	3

2. Nội dung chi tiết:

Các dạng thuốc

Thời gian: 75 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật bào chế các dạng thuốc thông thường.
- Sử dụng các dụng cụ thông dụng dùng trong bào chế thuốc đúng kỹ thuật.
- Bào chế được một số dạng thuốc thông thường và hướng dẫn sử dụng đúng các dạng thuốc đó.

2. Nội dung chương:

2.1. Thuốc tiêm

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Kỹ thuật bào chế thuốc tiêm

2.1.3. Nhận xét kết quả

2.2. Thuốc tiêm truyền

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Kỹ thuật bào chế thuốc tiêm truyền

- 2.2.3. Nhận xét kết quả
- 2.3. Cồn thuốc
 - 2.3.1. Khái niệm
 - 2.3.2. Kỹ thuật bào chế cồn thuốc
 - 2.3.3. Nhận xét kết quả
- 2.4. Cao thuốc
 - 2.4.1. Khái niệm
 - 2.4.2. Kỹ thuật bào chế cao thuốc
 - 2.4.3. Nhận xét kết quả
- 2.5. Siro thuốc
 - 2.5.1. Khái niệm
 - 2.5.2. Kỹ thuật bào chế siro thuốc
 - 2.5.3. Nhận xét kết quả
- 2.6. Potio thuốc
 - 2.6.1. Khái niệm
 - 2.6.2. Kỹ thuật bào chế potio thuốc
 - 2.6.3. Nhận xét kết quả
- 2.7. Nhũ tương
 - 2.7.1. Khái niệm
 - 2.7.2. Kỹ thuật bào chế nhũ tương
 - 2.7.3. Nhận xét kết quả
- 2.8. Hỗn dịch
 - 2.8.1. Khái niệm
 - 2.8.2. Kỹ thuật bào chế hỗn dịch
 - 2.8.3. Nhận xét kết quả
- 2.9. Thuốc mỡ
 - 2.9.1. Khái niệm
 - 2.9.2. Kỹ thuật bào chế thuốc mỡ
 - 2.9.3. Nhận xét kết quả
- 2.10. Thuốc đạn, trứng
 - 2.10.1. Khái niệm
 - 2.10.2. Kỹ thuật bào chế thuốc đạn, trứng

- 2.10.3. Nhận xét kết quả
- 2.11. Một số dạng thuốc khác
- 2.12. Tương kỵ trong bào chế thuốc

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường, phòng TH Bào chế
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, trang thiết bị thực hành bào chế có liên quan đến nội dung chương trình môn học.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, bảng kiểm, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:
 - Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành tại phòng TH bào chế, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung các kiến thức về cách pha chế, sản xuất, kiểm tra chất lượng, đóng gói, bảo quản các dạng bào chế thông thường.
 - Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng thực hành pha chế, sản xuất, kiểm tra chất lượng, đóng gói, bảo quản các dạng bào chế thông thường của học sinh thông qua việc kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành tại phòng TH Bào chế.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm kiểm tra .
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm kiểm tra.
- Kiểm tra kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống, câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp dược trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Lý thuyết: Giáo viên kết hợp sử dụng các phương pháp: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm.
 - Thực hành: Thực hiện các bài thực hành tại phòng thực tập. Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 20 – 25 học sinh.
3. Những trọng tâm cần chú ý:
4. Tài liệu tham khảo:
 - Giáo trình môn học Bào chế 2 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
 - Dược điển Việt Nam IV, 2013, Bộ y tế, NXB Y học
 - Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc, 2002, NXB Y học
 - Giáo trình sinh dược học Bào chế, 2003 – 2004 Trường ĐH Dược HN
 - Giáo trình Bào chế, Trường trung học dược, Bộ y tế

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 18

Tên môn học: QUẢN LÝ DƯỢC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 71 giờ; Thực hành: 0 giờ, kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 3

- **Tính chất:** Học phần cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản về lịch sử ngành dược, mô hình tổ chức của ngành dược; nội dung của các chính sách y tế đang thực hiện tại Việt Nam.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được tổ chức ngành Dược trong hệ thống tổ chức ngành Y tế.

+ Nêu được những nội dung cơ bản của các Quy chế, thông tư hướng dẫn, chế độ, chính sách quản lý về sản xuất, bảo quản, lưu thông cung ứng thuốc nhằm giúp cho việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lí.

- Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức về tổ chức, kinh tế Dược vào trong hoạt động nghề nghiệp, góp phần bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện đúng theo thông tư, chế độ, chính sách khi sử dụng trong sản xuất phân phối và bảo quản thuốc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1	
1	Chương 1. Luật Dược và các thông tư liên quan	37	37	
	1. Luật Dược	4	4	
	2. Thông tư quản lý thuốc gây nghiện	4	4	
	3. Thông tư quản lý thuốc hướng tâm thần	3	3	
	4. Thông tư kê đơn và bán thuốc theo đơn	3	3	

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	5. Thông tư nhân thuốc và nhân mỹ phẩm ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người	3	3	
	Kiểm tra	1		1
	6. Thông tư đăng ký thuốc	2	2	
	7. Thực hành tốt nhà thuốc GPP	2	2	
	8. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành dược	2	2	
	9. Quy trình thao tác chuẩn SOP	3	3	
	10. Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực hành nghề Dược	5	5	
	11. Thông tư kiểm tra chất lượng thuốc	3	3	
	Kiểm tra	1		1
	12. Thông tư thanh tra Dược	2	2	
2	Chương 2. Công tác dược	37	37	
	1. Công tác dược bệnh viện	3	3	
	2. Công tác dược tại các cơ sở Dược Quận huyện và cấp trung ương	4	4	
	3. Thuốc thiết yếu	3	3	
	4. Công tác hợp lý và an toàn thuốc	3	3	
	5. Công tác chống nhầm lẫn thuốc	3	3	
	Kiểm tra	1		1
	6. Kinh tế Dược	15	15	
7. Các thông tư, chế độ mới ban hành	4	4		
	Kiểm tra	1		1
Tổng cộng		75	71	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu

Thời gian: 1 giờ

Chương 1: Luật Dược và các thông tư liên quan

Thời gian: 37 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được tổ chức ngành Dược trong hệ thống tổ chức ngành Y tế. Nêu được những nội dung cơ bản của các Quy chế, thông tư hướng dẫn, chế độ, chính sách quản lý về sản xuất, bảo quản, lưu thông cung ứng thuốc nhằm giúp cho việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lí.

2. Nội dung chương:

2.1. Luật Dược

2.1.1 Nội dung luật Dược

2.1.2 Nghị định hướng dẫn luật Dược

2.2. Thông tư quản lý thuốc gây nghiện

2.2.1 Khái niệm

2.2.2 Nội dung thông tư quản lý thuốc gây nghiện

2.3. Thông tư quản lý thuốc hướng tâm thần

2.3.1 Khái niệm

2.3.2 Nội dung thông tư quản lý thuốc hướng tâm thần

2.4. Thông tư kê đơn và bán thuốc theo đơn

2.4.1 Khái niệm

2.4.2 Nội dung thông tư kê đơn và bán thuốc theo đơn

2.5. Thông tư nhãn thuốc và nhãn mỹ phẩm ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người

2.5.1 Khái niệm

2.5.2 Nội dung thông tư nhãn thuốc và nhãn mỹ phẩm ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người

2.6. Thông tư đăng ký thuốc

2.6.1 Khái niệm

2.6.2 Nội dung thông tư đăng ký thuốc

2.7. Thực hành tốt nhà thuốc GPP

2.7.1 Khái niệm

2.7.2 Nội dung thực hành tốt nhà thuốc GPP

2.8. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành dược

2.9. Quy trình thao tác chuẩn SOP

2.10. Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực hành nghề Dược

2.11. Thông tư kiểm tra chất lượng thuốc

- 2.11.1 Khái niệm
- 2.11.2 Nội dung thông tư kiểm tra chất lượng thuốc
- 2.12. Thông tư thanh tra Dược
- 2.12.1 Khái niệm
- 2.12.2 Nội dung thông tư thanh tra dược

Chương 2: Công tác dược

Thời gian: 37 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được tổ chức ngành Dược trong hệ thống tổ chức ngành Y tế. Nêu được những nội dung cơ bản của các Quy chế, thông tư hướng dẫn, chế độ, chính sách quản lý về sản xuất, bảo quản, lưu thông cung ứng thuốc nhằm giúp cho việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lí.
2. Nội dung chương:
 - 2.1. Công tác dược bệnh viện
 - 2.1.1 Chức năng, nhiệm vụ khoa Dược bệnh viện
 - 2.1.2 Các công tác dược tại bệnh viện
 - 2.2. Công tác dược tại các cơ sở Dược Quận huyện và cấp trung ương
 - 2.2.1 Công tác dược tại các cơ sở Dược Quận huyện
 - 2.2.2 Công tác dược tại các cơ sở Dược cấp trung ương
 - 2.3. Thuốc thiết yếu
 - 2.4. Công tác hợp lí và an toàn thuốc
 - 2.5. Công tác chống nhâm lẫn thuốc
 - 2.6. Kinh tế Dược

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường.
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...) có liên quan đến nội dung chương trình môn học.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:
 - Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung kiến thức cơ bản về lịch sử

ngành dược, mô hình tổ chức của ngành dược; nội dung của các chính sách y tế đang thực hiện tại Việt Nam.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc kiểm tra, bài tập.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm kiểm tra .
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm kiểm tra.
- Kiểm tra kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống, câu hỏi trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp dược trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực.
3. Những trọng tâm cần chú ý:
4. Tài liệu tham khảo:
 - Giáo trình môn học Quản lý dược của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
 - Giáo trình môn học Quản lý dược, Trường trung học dược, Bộ y tế.
 - Các văn bản pháp luật của chính phủ và Bộ y tế.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 19

Tên môn học: HÓA DƯỢC - DƯỢC LÝ 1

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 105 giờ; (Lý thuyết: 73 giờ; Thực hành: 28 giờ, kiểm tra 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 2

- **Tính chất:** Học phần gồm các kiến thức về: dược động học của các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hoá và thải trừ thuốc; cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc; tác dụng không mong muốn của thuốc; ngộ độc thuốc và cách xử trí làm cơ sở cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức chung về thuốc.

+ Nêu được những tính chất điển hình, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, bảo quản của các thuốc chính.

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản liên quan đến sử dụng thuốc an toàn, hợp lý: lựa chọn thuốc, phối hợp thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc...

- Về kỹ năng: Nhận dạng và phân biệt được hóa dược và dược lý của các loại thuốc

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hướng dẫn sử dụng thuốc bảo đảm hợp lý và an toàn

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1. Đại cương về hóa dược-dược lý	15	14		
	1. Đại cương về hóa dược - dược lý	3	3		
	2. Dược động học	4	4		
	3. Tác dụng của thuốc	4	4		
	4. Các nhân tố quyết định tác dụng của thuốc	3	3		

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Kiểm tra	1			1
2	Chương 2. Các nhóm thuốc chính	90	90		
	1. Thuốc mê, tiền mê	6	4	2	
	2. Thuốc tê	6	4	2	
	3. Thuốc giảm đau thực thể	6	4	2	
	4. Thuốc giảm đau, hạ sốt, kháng viêm	6	4	2	
	5. Thuốc kích thích thần kinh trung ương	6	4	2	1 (kiến tập)
	6. Thuốc chống rối loạn tâm thần	5	4	1	
	7. Thuốc kháng Histamin	5	3	2	
	8. Thuốc lợi tiểu	5	4	1	
	Kiểm tra	1			1
	9. Thuốc chống thiếu máu	4	2	2	
	10. Thuốc cầm máu	6	4	2	
	11. Thuốc tiêm truyền và chế phẩm thay thế máu	6	4	2	
	12. Thuốc chữa ho, hen phế quản	6	4	2	
	13. Thuốc chữa đau dạ dày	5	4	1	
	14. Thuốc chữa táo bón	5	3	2	
15. Thuốc tim mạch	10	7	3		
	Kiểm tra	2			2
Tổng cộng		105	73	28	4

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương về hóa dược-dược lý

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được những kiến thức chung về thuốc: dược động học của các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hoá và thải trừ thuốc; cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc

2. Nội dung chương:
 - 2.1. Đại cương về hóa dược - dược lý
 - 2.1.1 Khái niệm về thuốc
 - 2.1.2 Quan niệm về dùng thuốc
 - 2.1.3 Giới thiệu về môn hóa dược-dược lý
 - 2.2. Dược động học
 - 2.2.1 Sự hấp thu thuốc
 - 2.2.2 Sự phân phối thuốc
 - 2.2.3 Sự chuyển hóa thuốc
 - 2.2.4 Sự thải trừ thuốc
 - 2.3. Tác dụng của thuốc
 - 2.3.1 Tác dụng tại chỗ và toàn thân
 - 2.3.2 Tác dụng chính và tác dụng không mong muốn
 - 2.3.3 Tác dụng hồi phục và không hồi phục
 - 2.3.4 Tác dụng chọn lọc
 - 2.4. Các nhân tố quyết định tác dụng của thuốc
 - 2.4.1 Các yếu tố thuộc về thuốc
 - 2.4.2 Các yếu tố thuộc về người dùng thuốc
 - 2.4.3 Những trạng thái tác dụng đặc biệt của thuốc

Chương 2: Các nhóm thuốc chính

Thời gian: 90 giờ

1. Mục tiêu:
 - Nêu được những tính chất điển hình, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, bảo quản của các thuốc chính.
 - Trình bày được những kiến thức cơ bản liên quan đến sử dụng thuốc an toàn, hợp lý: lựa chọn thuốc, phối hợp thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc...
2. Nội dung chương:
 - 2.1. Thuốc mê, tiền mê
 - 2.1.1 Đại cương
 - 2.1.2 Các thuốc mê, tiền mê
 - 2.1.3 Cách phối hợp thuốc mê, tiền mê
 - 2.1.4. Tác dụng dược lý
 - 2.1.5. Hướng dẫn sử dụng thuốc mê

- 2.2. Thuốc tê
 - 2.2.1 Đại cương
 - 2.2.2 Các thuốc tê
 - 2.2.3. Tác dụng dược lý
 - 2.2.4. Hướng dẫn sử dụng thuốc tê
- 2.3. Thuốc giảm đau thực thể
 - 2.3.1 Đại cương
 - 2.3.2 Một số thuốc giảm đau thực thể
- 2.4. Thuốc giảm đau, hạ sốt, kháng viêm
 - 2.4.1 Tác dụng chính và cơ chế
 - 2.4.2 Các dẫn xuất
 - 2.4.3. Tác dụng dược lý
 - 2.4.4. Hướng dẫn sử dụng thuốc hạ sốt, giảm đau, kháng viêm
- 2.5. Thuốc kích thích thần kinh trung ương
 - 2.5.1 Đại cương
 - 2.5.2 Dược động học và dược lực học
 - 2.5.3. Hướng dẫn sử dụng thuốc kích thích TKTW
- 2.6. Thuốc chống rối loạn tâm thần, lợi tiểu
 - 2.6.1 Đại cương
 - 2.6.2 Một số thuốc chống rối loạn tâm thần, lợi tiểu
 - 2.6.3. Hướng dẫn sử dụng thuốc chống rối loạn tâm thần, lợi tiểu
- 2.7. Thuốc kháng Histamin
 - 2.7.1 Đại cương
 - 2.7.2 Tác dụng dược lý - Tương tác thuốc
 - 2.7.3. Hướng dẫn sử dụng thuốc chống dị ứng
- 2.8. Thuốc chống thiếu máu
 - 2.8.1 Đại cương
 - 2.8.2. Một số thuốc chống thiếu máu
 - 2.8.3. Tác dụng dược lý
 - 2.8.4. Hướng dẫn sử dụng thuốc chống thiếu máu, cầm máu
- 2.9. Thuốc cầm máu
 - 2.9.1 Đại cương

- 2.9.2 Một số thuốc cầm máu
- 2.9.3.Tác dụng dược lý
- 2.9.4. Hướng dẫn sử dụng thuốc cầm máu
- 2.10. Thuốc tiêm truyền và chế phẩm thay thế máu
- 2.10.1 Thuốc tiêm truyền
- 2.10.2 Các chế phẩm thay thế máu
- 2.10.3.Tác dụng dược lý
- 2.10.4. Hướng dẫn sử dụng thuốc tiêm truyền, chế phẩm thay thế máu
- 2.11. Thuốc chữa ho, hen phế quản
- 2.11.1 Đại cương
- 2.11.2 Một số thuốc chữa ho, hen phế quản
- 2.11.3.Tác dụng dược lý
- 2.11.4. Hướng dẫn sử dụng thuốc chữa ho, hen
- 2.12. Thuốc chữa đau dạ dày, táo bón
- 2.12.1. Đại cương
- 2.12.2 Một số thuốc chữa đau dạ dày, táo bón
- 2.12.3.Tác dụng dược lý
- 2.12.4. Hướng dẫn sử dụng thuốc chữa bệnh dạ dày, táo bón
- 2.13. Thuốc tim mạch
- 2.13.1. Đại cương
- 2.13.2. Một số thuốc tim mạch
- 2.13.3. Tác dụng dược lý
- 2.13.4. Hướng dẫn sử dụng thuốc chữa bệnh tim mạch, huyết áp, rối loạn lipid máu

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường, phòng TH Hóa dược-dược lý, phòng TH bán thuốc
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, trang thiết bị thực hành hóa dược-dược lý có liên quan đến nội dung chương trình môn học.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, bảng kiểm, các nhóm thuốc thiết yếu, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung về dược động học của các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hoá và thải trừ thuốc; cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc; tác dụng không mong muốn của thuốc; ngộ độc thuốc và cách xử trí làm cơ sở cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc kiểm tra, bài tập, thực hành tại trường và thực tập tại các cơ sở ngoài trường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm kiểm tra .
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm kiểm tra.
- Kiểm tra kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống, câu hỏi trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp dược trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Giáo viên kết hợp sử dụng các phương pháp: thuyết trình, diễn giảng có minh hoạ, phát vấn, thảo luận nhóm.

- Thực hành: Thực hiện các bài thực hành tại phòng thực tập. Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 20 – 25 học sinh.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Hóa dược – Dược lý 1 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Hóa trị liệu, Trường ĐH Dược HN, 2004
- Thực tập Hóa trị liệu - Trường ĐH Dược HN, 2004
- Hóa dược – Dược lý học, NXB Y học, 2000
- Dược lâm sàng đại cương, NXB Y học, 2003
- Dược thư Quốc gia, NXB Y học, Bộ Y tế, 2002.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 20

Tên môn học: HÓA DƯỢC - DƯỢC LÝ 2

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 57 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 3

- **Tính chất:** Học phần gồm các kiến thức về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng các nhóm thuốc: thuốc tác dụng trên hệ tim mạch, thuốc kháng sinh, các vitamin, các thuốc trị ký sinh trùng.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

+ Nêu được những tính chất điển hình, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, bảo quản của các thuốc chính.

+ Trình bày được những nguyên tắc khi sử dụng các nhóm thuốc: Kháng sinh, Vitamin, thuốc chống viêm, thuốc điều trị cao huyết áp, đái tháo đường, bệnh đường hô hấp, tiêu hóa...

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản liên quan đến sử dụng thuốc an toàn, hợp lý: lựa chọn thuốc, phối hợp thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc...

- Về kỹ năng: Nhận dạng và phân biệt được hóa dược và dược lý của các loại thuốc

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hướng dẫn sử dụng thuốc bảo đảm hợp lý và an toàn

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiến tập
1	Hóa dược-dược lý các nhóm thuốc	60	60		
	1. Thuốc chữa tiêu chảy, lỵ	6	4	2	
	2. Thuốc chữa giun sán	5	3	2	
	3. Thuốc chữa bệnh về mắt	3	2	1	

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tập
	4. Thuốc chữa bệnh ngoài da	3	2	1	
	5. Thuốc chữa bệnh tai-mũi-họng	5	3	2	
	6. Thuốc tẩy trùng, khử trùng	2	2		
	Kiểm tra	1			1
	7. Thuốc kháng sinh	14	10	4	
	8. Sulfamid kháng khuẩn	7	4	3	
	Kiểm tra	1			1
	9. Thuốc chống lao-phong	8	4	4	
	10. Thuốc chống sốt rét	6	4	2	
	11. Hormon và các thuốc chữa bệnh nội tiết	12	8	4	
	Kiểm tra	1			1
	10. Vitamin và nguyên tố vi lượng	8	4	4	
	11. Vaccin	4	4		
	12. Thuốc giải độc	3	3		
	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	90	57	29	4

2. Nội dung chi tiết:

Hóa dược-dược lý các nhóm thuốc

Thời gian: 90 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được những tính chất điển hình, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, bảo quản của các thuốc chính.
- Trình bày được những nguyên tắc khi sử dụng các nhóm thuốc: Kháng sinh, Vitamin, thuốc chống viêm, thuốc điều trị cao huyết áp, đái tháo đường, bệnh đường hô hấp, tiêu hóa...
- Trình bày được những kiến thức cơ bản liên quan đến sử dụng thuốc an toàn, hợp lý: lựa chọn thuốc, phối hợp thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc...

2. Nội dung chương:

- 2.1. Thuốc chữa tiêu chảy, lỵ
 - 2.1.1 Đại cương
 - 2.1.2 Các thuốc chữa tiêu chảy, lỵ
- 2.2. Thuốc chữa giun sán
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Các thuốc chữa giun sán
- 2.3. Thuốc chữa bệnh về mắt
 - 2.3.1. Đại cương
 - 2.3.2. Các thuốc chữa bệnh về mắt
- 2.4. Thuốc chữa bệnh ngoài da
 - 2.4.1. Đại cương
 - 2.4.2. Các thuốc chữa bệnh ngoài da
- 2.5. Thuốc chữa bệnh tai-mũi-họng
 - 2.5.1. Đại cương
 - 2.5.2. Các thuốc chữa bệnh tai-mũi-họng
- 2.6. Thuốc tẩy trùng, khử trùng
 - 2.6.1. Đại cương
 - 2.6.2. Các thuốc tẩy trùng, khử trùng
- 2.7. Thuốc kháng sinh
 - 2.7.1. Đại cương
 - 2.7.2. Các thuốc kháng sinh
- 2.8. Sulfamid kháng khuẩn
 - 2.8.1. Đại cương
 - 2.8.2. Các sulfamid kháng khuẩn
- 2.9. Thuốc chống lao-phong
 - 2.9.1. Đại cương
 - 2.9.2. Các thuốc chống lao-phong
- 2.10. Thuốc chống sốt rét
 - 2.10.1. Đại cương
 - 2.10.2. Các thuốc chống sốt rét
- 2.11. Hormon và các thuốc chữa bệnh nội tiết
 - 2.11.1. Đại cương

2.11.2. Các hormone và các thuốc chữa bệnh nội tiết

2.12. Vitamin và nguyên tố vi lượng

2.12.1. Đại cương

2.12.2. Các vitamin và nguyên tố vi lượng

2.13. Vaccin

2.13.1. Đại cương

2.13.2. Một số loại vaccine

2.14. Thuốc giải độc

2.14.1. Đại cương

2.14.2. Các thuốc giải độc

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường, phòng TH Hóa dược-dược lý, phòng TH bán thuốc
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, trang thiết bị thực hành hóa dược-dược lý có liên quan đến nội dung chương trình môn học.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phân, bảng kiểm, các nhóm thuốc thiết yếu, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng các nhóm thuốc: thuốc tác dụng trên hệ tim mạch, thuốc kháng sinh, các vitamin, các thuốc trị ký sinh trùng.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc kiểm tra, bài tập, thực hành tại trường và thực tập tại các cơ sở ngoài trường.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm kiểm tra .
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm kiểm tra.
- Kiểm tra kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống, câu hỏi trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp dược trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Giáo viên kết hợp sử dụng các phương pháp: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm.
- Thực hành: Thực hiện các bài thực hành tại phòng thực tập. Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 20 – 25 học sinh.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Hóa dược – Dược lý 2 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Hóa trị liệu, Trường ĐH Dược HN, 2004
- Thực tập Hóa trị liệu - Trường ĐH Dược HN, 2004
- Hóa dược – Dược lý học, NXB Y học, 2000
- Dược lâm sàng đại cương, NXB Y học, 2003
- Dược thư Quốc gia, NXB Y học, Bộ y tế, 2002.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 21

Tên môn học: HÓA DƯỢC - DƯỢC LÝ 3

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 150 giờ; (Lý thuyết: 58 giờ; Thực hành: 88 giờ, kiểm tra 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 3

- **Tính chất:** Học phần gồm các kiến thức về cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc; tác dụng không mong muốn của thuốc; ngộ độc thuốc và cách xử trí làm cơ sở cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản liên quan đến sử dụng thuốc an toàn, hợp lý: lựa chọn thuốc, phối hợp thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc...

- Về kỹ năng:

+ Làm được kỹ thuật để định tính một số hóa dược thông dụng.

+ Theo dõi và nhận xét được việc sử dụng thuốc tại 5 khoa lâm sàng (Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Truyền Nhiễm).

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hướng dẫn sử dụng thuốc thiết yếu bảo đảm hợp lý, an toàn.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1. Lý thuyết Dược lâm sàng	60	60		
	1. Đại cương về Dược lâm sàng-Kỹ năng giao tiếp	4	4		
	2. Dược động học lâm sàng	4	4		
	3. Tương tác thuốc	4	4		
	4. Phản ứng có hại của thuốc	4	4		
	5. Thông tin thuốc	4	4		

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	6. Các chỉ số xét nghiệm lâm sàng	4	4		
	7. Nguyên tắc sử dụng thuốc cho đối tượng đặc biệt	4	4		
	8. Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh	3	3		
	Kiểm tra	1			1
	9. Nguyên tắc sử dụng vitamin và khoáng chất	4	4		
	10. Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng viêm steroid và non-steroid	4	4		
	11. Nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị hen suyễn	4	4		
	12. Nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị rối loạn tiêu hóa	4	4		
	13. Nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tim mạch	4	4		
	14. Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh đái tháo đường	4	4		
	15. Bình đơn thuốc	3	3		
	Kiểm tra	1			1
2	Chương 2. Thực hành bệnh viện	90		88	2
	1. Thực hành bệnh viện tại khoa Nội	18		18	
	2. Thực hành bệnh viện tại khoa Ngoại	18		18	
	3. Thực hành bệnh viện tại khoa Sản	18		17	1
	4. Thực hành bệnh viện tại khoa Nhi	18		18	
	5. Thực hành bệnh viện tại khoa Truyền Nhiễm	18		17	1
Tổng cộng		150	58	88	4

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Lý thuyết Dược lâm sàng

Thời gian: 60 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được những kiến thức cơ bản liên quan đến sử dụng thuốc an toàn, hợp lý: lựa chọn thuốc, phối hợp thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc...Làm được kỹ thuật để định tính một số hóa dược thông dụng.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về Dược lâm sàng-Kỹ năng giao tiếp

2.1.1 Đại cương về Dược lâm sàng

2.1.2 Tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp

2.2. Dược động học lâm sàng

2.2.1. Các cách vận chuyển thuốc qua màng sinh học

2.2.2. Các quá trình dược động học

2.3. Tương tác thuốc

2.3.1 Tương tác dược lực học

2.3.2 Tương tác dược động học

2.4. Phản ứng có hại của thuốc

2.4.1. Đại cương

2.4.2. Phân tích báo cáo phản ứng có hại của thuốc

2.5. Thông tin thuốc

2.6. Các chỉ số xét nghiệm lâm sàng

2.6.1. Đại cương

2.6.2. Ý nghĩa các chỉ số xét nghiệm lâm sàng

2.7. Nguyên tắc sử dụng thuốc cho đối tượng đặc biệt

2.8. Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh

2.9. Nguyên tắc sử dụng vitamin và khoáng chất

2.10. Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng viêm steroid và non-steroid

2.11. Nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị hen suyễn

2.12. Nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị rối loạn tiêu hóa

2.13. Nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tim mạch

2.14. Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh đái tháo đường

2.15. Bình đơn thuốc

Chương 2: Thực hành bệnh viện

Thời gian: 90 giờ

1. Mục tiêu: Theo dõi và nhận xét được việc sử dụng thuốc tại 5 khoa lâm sàng (Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Truyền Nhiễm). Hướng dẫn sử dụng thuốc thiết yếu bảo đảm hợp lý, an toàn.

2. Nội dung chương:

2.1. Thực hành bệnh viện tại khoa Nội

2.2. Thực hành bệnh viện tại khoa Ngoại

2.3. Thực hành bệnh viện tại khoa Sản

2.4. Thực hành bệnh viện tại khoa Nhi

2.5. Thực hành bệnh viện tại khoa Truyền Nhiễm

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường, phòng TH Hóa dược-dược lý, phòng TH bán thuốc, các khoa Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Nhiễm tại bệnh viện.

2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, trang thiết bị thực hành hóa dược-dược lý có liên quan đến nội dung chương trình môn học.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, bảng kiểm, các nhóm thuốc thiết yếu, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc; tác dụng không mong muốn của thuốc; ngộ độc thuốc và cách xử trí làm cơ sở cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc kiểm tra, bài tập, thực hành tại trường và thực tập tại các cơ sở ngoài trường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm kiểm tra .
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm kiểm tra.
- Kiểm tra kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống, câu hỏi trắc nghiệm, bài thu hoạch.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp dược trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Giáo viên kết hợp sử dụng các phương pháp: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm.
- Thực hành: Học sinh chia thành các nhóm để thực tập tại các khoa lâm sàng của bệnh viện.

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Hóa dược – Dược lý 3 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Hóa trị liệu, Trường ĐH Dược HN, 2004.
- Thực tập Hóa trị liệu - Trường ĐH Dược HN, 2004.
- Hóa dược – Dược lý học, NXB Y học, 2000.
- Dược lâm sàng đại cương, NXB Y học, 2003.
- Dược thư Quốc gia, NXB Y học, Bộ y tế, 2002.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 22

Tên môn học: KIỂM NGHIỆM THUỐC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 44 giờ; Thực hành: 28 giờ, Kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 4

- **Tính chất:** Học phần gồm nội dung về: Các phương pháp đảm bảo chất lượng thuốc theo đúng quy trình, quy định góp phần vào quá trình quản lý chất lượng thuốc. Các yếu tố và điều kiện cần thiết để đảm bảo tính chính xác, khoa học, tin cậy cho các kết quả thí nghiệm, các biện pháp đảm bảo chất lượng thí nghiệm.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được nguyên tắc, cách tiến hành, ứng dụng trong kiểm nghiệm thuốc của phương pháp quang phổ UV- vis, phương pháp sắc ký lớp mỏng, phương pháp vi sinh vật...

+ Trình bày được cách tính kết quả và báo cáo kết quả kiểm nghiệm đối với các chế phẩm kiểm nghiệm đã thực hiện

- Về kỹ năng: Kiểm nghiệm được một số nguyên liệu và dạng thuốc thông dụng theo tiêu chuẩn chất lượng (DĐVN, TCCS)

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm - Rèn luyện tác phong chính xác, thận trọng và trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1. Lý thuyết Kiểm nghiệm thuốc	45	44		
	1. Chất lượng thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc	4	4		
	2. Dung dịch chuẩn, dung dịch ion mẫu, thuốc thử, chỉ thị màu thường dùng trong	2	2		

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	kiểm nghiệm thuốc				
	3. Nguyên tắc thực hành tốt phòng kiểm nghiệm (GLP)	3	3		
	4. Quang phổ hấp thụ UV-VIS trong kiểm nghiệm thuốc	4	4		
	5. Sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) trong kiểm nghiệm thuốc	3	3		
	6. Sắc ký lớp mỏng trong kiểm nghiệm thuốc	2	2		
	Kiểm tra	1			1
	Chương 2: Kiểm nghiệm các loại thuốc				
	1. Pha dung dịch mẫu, dung dịch chuẩn, thuốc thử	4		4	
	2. Kiểm nghiệm thuốc viên nén	8	4	4	
	3. Kiểm nghiệm thuốc viên nang	8	4	4	
	4. Kiểm nghiệm thuốc bột	6	2	4	
	5. Kiểm nghiệm thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền	8	4	4	
	Kiểm tra	1			1
	6. Kiểm nghiệm siro thuốc	2	2		
	7. Kiểm nghiệm thuốc mỡ tra mắt	6	2	4	
	8. Kiểm nghiệm thuốc đông dược	4	4		
	9. Kiểm nghiệm vi sinh vật	4	4		
	10. Kiểm nghiệm viên mật nghệ	4		4	
	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	44	28	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Lý thuyết Kiểm nghiệm thuốc

Thời gian: 45 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được nguyên tắc, cách tiến hành, ứng dụng trong kiểm nghiệm thuốc của phương pháp quang phổ UV- vis, phương pháp sắc ký lớp mỏng, phương pháp vi sinh vật...

2. Nội dung chương:

2.1. Chất lượng thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Đảm bảo chất lượng thuốc

2.2. Dung dịch chuẩn, dung dịch ion mẫu, thuốc thử, chỉ thị màu thường dùng trong kiểm nghiệm thuốc

2.2.1.Đại cương

2.2.2. Các dung dịch chuẩn, dung dịch ion mẫu, thuốc thử, chỉ thị màu thường dùng trong kiểm nghiệm thuốc

2.3. Nguyên tắc thực hành tốt phòng kiểm nghiệm (GLP)

2.3.1.Đại cương

2.3.2.Nội dung thực hành tốt phòng kiểm nghiệm

2.4. Quang phổ hấp thụ UV-VIS trong kiểm nghiệm thuốc

2.4.1. Đại cương

2.4.2. Sử dụng quang phổ hấp thụ UV-VIS trong kiểm nghiệm thuốc

2.5. Sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) trong kiểm nghiệm thuốc

2.5.1.Đại cương

2.5.2. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) trong kiểm nghiệm thuốc

2.6. Sắc ký lớp mỏng trong kiểm nghiệm thuốc

2.6.1.Đại cương

2.6.2. Phương pháp sắc ký lớp mỏng trong kiểm nghiệm thuốc

Chương 2: Kiểm nghiệm các loại thuốc

1. Mục tiêu:

+ Kiểm nghiệm được một số nguyên liệu và dạng thuốc thông dụng theo tiêu chuẩn chất lượng (ĐDVN, TCCS).

+ Trình bày được cách tính kết quả và báo cáo kết quả kiểm nghiệm đối với các chế phẩm kiểm nghiệm đã thực hiện.

+ Rèn luyện tác phong chính xác, thận trọng và trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Pha dung dịch mẫu, dung dịch chuẩn, thuốc thử
 - 2.1.1. Pha dung dịch mẫu
 - 2.1.2. Pha dung dịch chuẩn, thuốc thử
 - 2.2. Kiểm nghiệm thuốc viên nén
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Kiểm nghiệm viên nén
 - 2.2. Kiểm nghiệm thuốc viên nang
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Kiểm nghiệm viên nang
 - 2.3. Kiểm nghiệm thuốc bột
 - 2.3.1. Đại cương
 - 2.3.2. Kiểm nghiệm thuốc bột
 - 2.4. Kiểm nghiệm thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền
 - 2.4.1. Đại cương
 - 2.4.2. Kiểm nghiệm thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền
 - 2.5. Kiểm nghiệm siro thuốc
 - 2.5.1. Đại cương
 - 2.5.2. Kiểm nghiệm siro thuốc
 - 2.6. Kiểm nghiệm thuốc mỡ
 - 2.6.1. Đại cương
 - 2.6.2. Kiểm nghiệm thuốc mỡ
 - 2.7. Kiểm nghiệm thuốc đông dược
 - 2.7.1. Đại cương
 - 2.7.2. Kiểm nghiệm thuốc đông dược
 - 2.8. Kiểm nghiệm vi sinh vật
 - 2.8.1. Đại cương
 - 2.8.2. Kiểm nghiệm vi sinh vật
 - 2.9. Kiểm nghiệm viên mật nghệ
 - 2.9.1. Đại cương
 - 2.9.2. Kiểm nghiệm viên mật nghệ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường, phòng TH kiểm nghiệm.
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, trang thiết bị thực hành kiểm nghiệm có liên quan đến nội dung chương trình môn học.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, bảng kiểm, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung về các phương pháp đảm bảo chất lượng thuốc theo đúng quy trình, quy định góp phần vào quá trình quản lý chất lượng thuốc, các yếu tố và điều kiện cần thiết để đảm bảo tính chính xác, khoa học, tin cậy cho các kết quả thí nghiệm, các biện pháp đảm bảo chất lượng thí nghiệm.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc kiểm tra, bài tập, thực hành tại trường và thực tập tại các cơ sở ngoài trường.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm kiểm tra .
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm kiểm tra.
- Kiểm tra kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống, câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp y dược trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Lý thuyết: Giáo viên kết hợp sử dụng các phương pháp: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm.

- Thực hành: Thực hiện các bài thực hành tại phòng thực tập. Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 20 – 25 học sinh.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Kiểm nghiệm thuốc của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Kiểm nghiệm thuốc, Trường ĐH Dược HN, 1998.

- Dược điển Việt Nam V, Bộ Y tế, NXB Y học, 2017

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 23

Tên môn học: BẢO QUẢN THUỐC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 0 giờ, kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 2

- **Tính chất:** Học phần trang bị cho học sinh kiến thức về vai trò và tầm quan trọng của công tác bảo quản thuốc cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc. Từ đó, vận dụng các kiến thức để bảo quản tốt các dạng thuốc, hóa chất, dụng cụ y tế và sử dụng các bao bì thích hợp trong quá trình bảo quản.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc và dụng cụ y tế.

+ Nêu được kỹ thuật bảo quản các dạng thuốc và các loại dụng cụ Y tế cụ thể.

- Về kỹ năng: Bảo quản được các loại thuốc theo tiêu chuẩn GSP

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng được các kỹ thuật bảo quản đã học để giải quyết một số tình huống cụ thể trong công tác bảo quản thuốc và dụng cụ y tế.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
2	Chương 1. Lý thuyết Bảo quản thuốc và dụng cụ y tế	25	24		
	1. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc và dụng cụ Y tế	8	8		
	2. Kỹ thuật bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu	8	7		1
	3. Kỹ thuật bảo quản dụng cụ thủy tinh	2	2		

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	4. Kỹ thuật bảo quản dụng cụ kim loại	2	2		
	5. Kỹ thuật bảo quản dụng cụ cao su, chất dẻo	2	2		
	6. Kỹ thuật bảo quản bông, băng, gạc, chỉ khâu phẫu thuật	3	2		1
3	Chương 2. Thực hành bảo quản thuốc	4	4		
	1. Thực hành tốt bảo quản thuốc GSP	4	4		
Tổng cộng		30	28		2

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu

Thời gian: 1 giờ

Chương 1: Lý thuyết bảo quản thuốc và dụng cụ y tế

Thời gian: 25 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc và dụng cụ y tế. --
- Nêu được kỹ thuật bảo quản các dạng thuốc và các loại dụng cụ Y tế cụ thể.
- Vận dụng được các kỹ thuật bảo quản đã học để giải quyết một số tình huống cụ thể trong công tác bảo quản thuốc và dụng cụ y tế.

2. Nội dung chương:

2.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc và dụng cụ Y tế

2.2. Kỹ thuật bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu

2.2.1 Kỹ thuật bảo quản các dạng thuốc

2.2.2 Bảo quản hóa chất

2.2.3 Bảo quản dược liệu

2.3. Kỹ thuật bảo quản dụng cụ thủy tinh

2.3.1. Đặc điểm của dụng cụ thủy tinh

2.3.2. Nguyên nhân làm hư hỏng dụng cụ thủy tinh

2.3.3. Kỹ thuật bảo quản dụng cụ thủy tinh

2.4. Kỹ thuật bảo quản dụng cụ kim loại

2.4.1. Đặc điểm của dụng cụ kim loại

2.4.2. Nguyên nhân làm hư hỏng dụng cụ kim loại

- 2.4.3. Kỹ thuật bảo quản dụng cụ kim loại
- 2.5. Kỹ thuật bảo quản dụng cụ cao su, chất dẻo
 - 2.5.1. Bảo quản dụng cụ làm bằng cao su
 - 2.5.2. Bảo quản dụng cụ làm bằng chất dẻo
- 2.6. Kỹ thuật bảo quản bông, băng, gạc, chỉ khâu phẫu thuật
 - 2.6.1. Bảo quản bông, băng, gạc
 - 2.6.2. Chỉ khâu phẫu thuật
 - 2.6.3. Nguyên nhân làm hư hỏng dụng cụ kim loại

Chương 2: Thực hành bảo quản thuốc

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Áp dụng các nội dung trong thực hành bảo quản thuốc tốt GSP đã học để giải quyết một số tình huống cụ thể trong công tác bảo quản thuốc và dụng cụ y tế.
2. Nội dung chương: Thực hành tốt bảo quản thuốc GSP

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường.
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, trang thiết bị có liên quan đến nội dung chương trình môn học.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, bảng kiểm, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:
 - Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung về vai trò và tầm quan trọng của công tác bảo quản thuốc cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc. Từ đó, vận dụng các kiến thức để bảo quản tốt các dạng thuốc, hóa chất, dụng cụ y tế và sử dụng các bao bì thích hợp trong quá trình bảo quản.
 - Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc kiểm tra, bài tập, thực hành tại trường và thực tập tại các cơ sở ngoài trường.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra .
- Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra.
- Kiểm tra kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống, câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp dược trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp dạy học tích cực kết hợp với phương pháp truyền thống, đặt câu hỏi lượng giá, bài tập nhóm.
- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình, thực hành kết hợp các nội dung môn học khi đi thực tế cơ sở và thực tập tốt nghiệp.

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Bảo quản thuốc của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Kỹ thuật bảo quản dược phẩm, hóa chất, NXBYH - TDDT
- Giáo trình môn học Bảo quản thuốc và dụng cụ y tế - Trường trung học Dược – Bộ y tế.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 24

Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 270 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 264 giờ, kiểm tra 6 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 4

- **Tính chất:** Học phần nhằm giúp học sinh tiếp cận và hiểu rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của ngành dược trong lĩnh vực sản xuất, bảo quản thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, kiểm nghiệm chất lượng thuốc và các quy định về quản lý dược. Trên cơ sở đó học sinh có thể thực hiện được nhiệm vụ của mình sau khi tốt nghiệp.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức: Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của các đơn vị (nơi học sinh đến thực tập), chức năng nhiệm vụ của người DSTH tại các đơn vị đó.

- Về kỹ năng: Thực tập nhiệm vụ của một Dược sĩ trung học tại các cơ sở.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe và sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

III. Nội dung môn học:

Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	CƠ SỞ THỰC TẬP	THỜI GIAN THỰC TẬP (GIỜ)
1	Chăm sóc sức khỏe ban đầu (Tại trường)	40
2	Khoa dược bệnh viện, trạm y tế	90
3	Công ty Dược, Trung tâm kiểm nghiệm, Nhà thuốc	140
	Tổng cộng	270

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: phòng nghiệp vụ Dược (Sở y tế), trung tâm kiểm nghiệm, khoa dược bệnh viện/ trạm y tế và các công ty dược trên địa bàn tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học, các dụng cụ, trang thiết bị có liên quan đến nội dung chương trình môn học.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Kế hoạch thực tập, chỉ tiêu tay nghề, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài báo cáo thực tập, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung về tiếp cận và hiểu rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của ngành dược trong lĩnh vực sản xuất, sắp xếp bảo quản thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, kiểm nghiệm chất lượng thuốc và các quy định về quản lý dược.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua trình bày bảng báo cáo kết quả thực tập và vấn đáp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 cột điểm (Công ty dược, Trung tâm kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm hoặc nhà thuốc, quầy thuốc)

- Kiểm tra định kỳ: 2 cột điểm (Khoa dược bệnh viện/trạm y tế, phòng nghiệp vụ dược).

- Thi kết thúc: 1 cột điểm (điểm trung bình chấm số thực tập tốt nghiệp của học sinh tại các cơ sở thực tập dựa trên các chỉ tiêu thực tập).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học bắt buộc được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp dược trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Học sinh thực tập tốt nghiệp tại các đơn vị nói trên dưới sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của giảng viên nhà trường và các cán bộ tại cơ sở đó.

- Trước khi đưa học sinh đi thực tập, trưởng khoa Dược phải lập kế hoạch chi tiết, cụ thể và được hiệu trưởng phê duyệt, trong đó có chỉ tiêu tay nghề mà học sinh phải thực hiện tại mỗi cơ sở đến thực tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

Nội dung, kế hoạch thực tập tốt nghiệp, chỉ tiêu tay nghề do Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp xây dựng và ban hành mỗi năm.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 25

Tên môn học: KỸ NĂNG BÁN HÀNG, MARKETING DƯỢC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 0, kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Học kỳ thứ 3

- **Tính chất:** Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các kỹ năng giao tiếp, bán hàng để áp dụng vào các hoạt động bán lẻ thuốc và các lĩnh vực kinh doanh dược. Trang bị cho sinh viên kiến thức về marketing nói chung và marketing dược nói riêng, cung cấp kiến thức về các chiến lược cơ bản được sử dụng trong marketing dược.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các khái niệm cơ bản của marketing dược phẩm.

+ Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến marketing dược phẩm.

- Về kỹ năng: Trình bày được các bước trong quy trình bán thuốc và vận dụng được trong các tình huống cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng được các kỹ năng đã học vào các hoạt động thực tế khi bán thuốc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1. Đại cương về marketing và marketing dược phẩm	18	18		
	1. Đại cương về marketing và marketing dược phẩm	4	4		
	2. Thị trường và thị trường mục tiêu	2	2		
	3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến marketing dược phẩm	4	4		

STT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	4. Chiến lược về phân phối và giá dược phẩm	4	4		
	5. Vai trò của khách hàng trong thông tin sản phẩm	3	3		
	Kiểm tra	1			1
2	Chương 2. Các kỹ năng trong quy trình bán thuốc	12	12		
	1. Kỹ năng tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc	4	4		
	2. Kỹ năng bán thuốc theo đơn	2	2		
	3. Kỹ năng bán thuốc không theo đơn	2	2		
	4. Kỹ năng giải quyết khiếu nại đối với khách hàng	3	3		
	Kiểm tra	1			1
Tổng cộng		30	28		2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về marketing và marketing dược phẩm Thời gian: 18 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các khái niệm cơ bản của marketing dược phẩm. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến marketing dược phẩm.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về marketing và marketing dược phẩm

2.1.1 Marketing

2.1.2 Marketing dược phẩm

2.2. Thị trường và thị trường mục tiêu

2.2.1 Thị trường

2.2.2 Thị trường mục tiêu

2.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến marketing dược phẩm

2.3.1 Đại cương

2.3.2 Một số yếu tố ảnh hưởng

2.4. Chiến lược về phân phối và giá dược phẩm

2.4.1 Chiến lược về phân phối

1.4.2 Giá dược phẩm

2.5. Vai trò của khách hàng trong thông tin sản phẩm

Chương 2: Các kỹ năng trong quy trình bán thuốc

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các bước trong quy trình bán thuốc và vận dụng được trong các tình huống cụ thể. Vận dụng được các kỹ năng đã học vào các hoạt động thực tế tại cơ sở. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và trung thực khi bán thuốc cho người bệnh

2. Nội dung chương:

2.1. Kỹ năng tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc

1.1.1 Kỹ năng tư vấn

1.1.2 Hướng dẫn sử dụng thuốc

2.2. Kỹ năng bán thuốc theo đơn

2.2.1 Đại cương

2.2.2 Kỹ năng bán thuốc theo đơn

2.3. Kỹ năng bán thuốc không theo đơn

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Kỹ năng bán thuốc không theo đơn

2.4. Kỹ năng giải quyết khiếu nại đối với khách hàng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Hội trường.
2. Trang thiết bị máy móc: các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, giấy chịu nhiệt,...), các dụng cụ, trang thiết bị có liên quan đến nội dung chương trình môn học.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình học phần, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung về kiến thức cơ bản về các kỹ năng giao tiếp, bán hàng để áp dụng vào các hoạt động bán lẻ thuốc và các lĩnh vực kinh doanh dược.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc kiểm tra, bài tập, thảo luận nhóm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra.

- Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra.

- Kiểm tra kết thúc học phần: Bài kiểm tra viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống, câu hỏi trắc nghiệm

IV. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học bắt buộc được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp được trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực.

- Đối với người học: thảo luận nhóm, đóng vai trong các bài tập tình huống.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Kỹ năng bán hàng – Marketing dược của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Giáo trình Lý thuyết Kỹ năng giao tiếp (chương trình cao đẳng Dược), Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

- Giáo trình Lý thuyết Marketing dược (chương trình cao đẳng Dược), Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

- Bộ Y tế (2007), Quản lý và kinh tế dược, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế, Kỹ năng giao tiếp, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2001), Các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả của cán bộ Y tế (tài liệu dịch), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 26

ÔN THI VÀ THI TỐT NGHIỆP

1- Thời gian ôn thi và thi tốt nghiệp: 135 giờ.

2- Môn thi tốt nghiệp: 3 môn thi

2.1- Môn thi lý thuyết tổng hợp:

- Hình thức thi: Thi viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống có cải tiến, kết hợp với câu hỏi thi trắc nghiệm.

- Thời gian làm bài 120 phút.

- Nội dung đề thi: Tổng hợp các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành Dược sỹ trung học.

2.2- Môn thi thực hành nghề nghiệp:

- Hình thức thi: Học sinh thực hiện một hay một số quy trình kỹ thuật Dược (do Hiệu trưởng quyết định)

- Sử dụng bảng kiểm quy trình kỹ thuật để đánh giá học sinh.

2.3- Môn thi Chính trị:

- Hình thức thi: Thi viết

- Thời gian làm bài 90 phút.

- Nội dung đề thi: Những kiến thức thuộc môn chính trị trong chương trình đào tạo ngành Dược sỹ trung học.

3- Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp:

Kỳ thi tốt nghiệp được tổ chức và thực hiện theo đúng các quy định của quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.